

THÔNG TƯ

Quy định thủ tục về kê khai, bảo lãnh tiền thuế, thu nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt, tiền phí, lệ phí, các khoản thu khác, đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16/12/2002 của Quốc hội; Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16/06/2010 của Quốc hội;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23/6/2014 của Quốc hội;

Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28/8/2001 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Nghị định 215/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư Quy định thủ tục về kê khai, bảo lãnh tiền thuế, thu nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt, tiền phí, lệ phí, các khoản thu khác, đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh như sau:

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định thủ tục về:

a) Kê khai, thu nộp thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt, tiền phí, lệ phí, các khoản thu

khác đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, phương tiện xuất nhập cảnh của cơ quan hải quan (sau đây gọi chung là thu nộp tiền thuế); kê khai thu nộp tiền phí, lệ phí và các khoản thu khác của cơ quan quản lý kết nối qua một cửa quốc gia (sau đây gọi chung là “thu nộp tiền phí”);

b) Bảo lãnh tiền thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu bằng phương thức điện tử (sau đây gọi là bảo lãnh tiền thuế điện tử).

2. Đối tượng áp dụng:

a) Người nộp thuế, người khai hải quan (sau đây gọi chung là người nộp thuế) theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Luật Quản lý thuế, Điều 2 Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/07/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế (sau đây gọi tắt là Nghị định số 83/2013/NĐ-CP); khoản 14 Điều 4 Luật Hải quan; cơ quan, tổ chức, cá nhân được ủy nhiệm thu thuế theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 83/2013/NĐ-CP;

b) Cơ quan hải quan bao gồm: Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Chi cục Hải quan, Đội Kiểm soát Hải quan và đơn vị tương đương;

c) Cơ quan Kho bạc Nhà nước bao gồm: Kho bạc Nhà nước; Sở Giao dịch Kho bạc Nhà nước; Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Kho bạc Nhà nước huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh;

d) Cơ quan quản lý bao gồm: các Bộ, ngành có thu phí, lệ phí và các khoản thu khác thực hiện cơ chế qua cổng thông tin một cửa quốc gia;

đ) Ngân hàng bao gồm: ngân hàng thương mại, ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận là ngân hàng nước ngoài mở chi nhánh và hoạt động tại Việt Nam có liên quan đến việc thu nộp tiền thuế và phát hành bảo lãnh tiền thuế điện tử;

e) Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thu nộp tiền thuế, phí, lệ phí và/hoặc bảo lãnh tiền thuế điện tử.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Bảo lãnh tiền thuế điện tử”: là hình thức phát hành thư bảo lãnh thuế của ngân hàng bằng phương thức truyền nhận dữ liệu thông điệp bảo lãnh tiền thuế thông qua Cổng thanh toán điện tử hải quan.

2. “Cổng thanh toán điện tử hải quan”: là hệ thống kết nối, trao đổi, đối chiếu và cung cấp thông tin điện tử để phục vụ công tác thu nộp tiền thuế, phí, lệ phí, bảo lãnh thuế điện tử giữa cơ quan hải quan, cơ quan Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng và các cơ quan quản lý thực hiện kết nối qua một cửa quốc gia.

3. “Cổng thông tin một cửa quốc gia”: là hệ thống tích hợp kết nối, trao đổi thông tin điện tử giữa cơ quan hải quan và các cơ quan quản lý thực hiện kết nối một cửa quốc gia để phục vụ cấp phép đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.

4. “Cổng thông tin điện tử hải quan”: là cổng thông tin tích hợp giữa các hệ thống thông tin, ứng dụng và các dịch vụ liên quan đến nghiệp vụ hải quan.

5. “Cơ chế hải quan một cửa quốc gia” là hệ thống tích hợp cho phép:

a) Các bên tham gia hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu nộp hoặc gửi thông tin và chứng từ chuẩn hóa tới một điểm tiếp nhận duy nhất;

b) Các cơ quan Nhà nước xử lý dữ liệu, thông tin và ra quyết định dựa trên hệ thống các quy trình, thủ tục thống nhất và đồng bộ; ra quyết định và gửi quyết định này tới hệ thống được thỏa thuận cung cấp và trao đổi thông tin thống nhất giữa các cơ quan Nhà nước;

c) Cơ quan hải quan ra quyết định cuối cùng về việc thông quan, giải phóng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hoặc phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh căn cứ vào các quyết định của các cơ quan Nhà nước có liên quan được hệ thống chuyển tới kịp thời theo quy định về cung cấp dịch vụ công.

6. “Core Banking”: là một phần mềm hệ thống về ngân hàng lõi, hệ thống các phân hệ nghiệp vụ cơ bản của ngân hàng như tiền gửi, tiền vay, khách hàng..., hệ thống phần mềm tích hợp các ứng dụng tin học trong quản lý thông tin, tài sản, giao dịch, quản trị rủi ro ... trong hệ thống ngân hàng, là hạt nhân toàn bộ hệ thống thông tin của một hệ thống ngân hàng.

7. “Hệ thống kế toán thuế tập trung”: là chương trình ứng dụng quản lý kế toán nghiệp vụ thuế và thu khác đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của cơ quan hải quan (sau đây gọi là Hệ thống KTTT).

8. “Mã vạch”: là sự thể hiện thông tin dưới dạng nhìn thấy trên bảng kê nộp tiền hoặc giấy nộp tiền mà máy móc có thể đọc được.

9. “Ngân hàng phối hợp thu với cơ quan hải quan”: là ngân hàng đã ký Thỏa thuận hợp tác với Tổng cục Hải quan về phối hợp thu nộp tiền thuế, bảo lãnh tiền thuế điện tử, sau đây gọi là “ngân hàng phối hợp thu”.

10. “Ngân hàng chưa phối hợp thu với cơ quan hải quan”: là ngân hàng chưa ký Thỏa thuận hợp tác với Tổng cục Hải quan về phối hợp thu nộp tiền thuế, bảo lãnh tiền thuế điện tử, sau đây gọi là “ngân hàng chưa phối hợp thu”.

11. “Ngân hàng ủy nhiệm thu” là ngân hàng đã ký thỏa thuận về phối hợp thu ngân sách nhà nước với Kho bạc Nhà nước và có tài khoản của Kho bạc Nhà nước mở tại ngân hàng đó.

12. “Tiền phí, lệ phí” bao gồm:

a) Tiền phí, lệ phí thuộc cơ quan hải quan quản lý;

b) Tiền phí, lệ phí và các khoản thu khác đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, phương tiện xuất nhập cảnh của cơ quan quản lý thu qua cổng thông tin một cửa quốc gia (sau đây gọi chung là tiền phí);

c) Tiền phí, lệ phí do cơ quan hải quan thu hộ một số Hiệp hội.

13. “Số định danh hồ sơ”: là dãy số duy nhất do máy tính tự sinh được gắn với từng hồ sơ. Số định danh được sử dụng để phân biệt, tìm kiếm giữa các hồ sơ.

14. “Tài khoản tiền gửi chuyên dùng thu phí, lệ phí và các khoản thu khác của các cơ quan quản lý”: là tài khoản tiền gửi chuyên dùng thu phí, lệ phí và các khoản thu khác của các đơn vị thuộc bộ, ngành mở tại Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng phối hợp thu chuyên để theo dõi, quản lý các khoản tiền phí, lệ phí và các khoản thu khác (sau đây gọi là tài khoản tiền gửi thu phí).

15. “Tài khoản của cơ quan thu”: là tài khoản của cơ quan Thuế, Hải quan và các cơ quan khác được Chính phủ, Bộ Tài chính giao nhiệm vụ tổ chức thu ngân sách nhà nước mở tại Kho bạc Nhà nước.

16. “Tài khoản tiền gửi lệ phí thu hộ”: là tài khoản của cơ quan hải quan mở tại Kho bạc Nhà nước dùng để thu hộ các khoản tiền phí, lệ phí của các Hiệp hội.

Điều 3. Tài khoản nộp thuế, phí

1. Tài khoản thu nộp ngân sách nhà nước của cơ quan hải quan sử dụng để thu các khoản tiền thuế, tiền chậm nộp và các khoản thu khác phải nộp vào ngân sách nhà nước, trừ các khoản quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Tài khoản tiền gửi của cơ quan hải quan

a) Tài khoản tiền gửi sử dụng để thu các khoản tiền thuế của hàng hóa là nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu, hàng hóa tạm nhập - tái xuất, hàng hóa tạm xuất - tái nhập, thu thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp, thuế tự vệ;

b) Tài khoản tiền gửi sử dụng để thu phí, lệ phí hải quan; phí, lệ phí thu hộ;

c) Tài khoản tiền gửi sử dụng để thu tiền, bán hàng tịch thu và các khoản thu khác, tiền ký quỹ.

3. Tài khoản tiền gửi chuyên dùng thu phí, lệ phí và các khoản thu khác đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh của cơ quan quản lý mở tại ngân hàng hoặc Kho bạc Nhà nước.

Điều 4. Xác định ngày nộp tiền thuế

1. Đối với hình thức nộp thuế qua giao dịch điện tử: là ngày người nộp thuế thực hiện giao dịch trích tài khoản của mình tại ngân hàng để nộp tiền và được hệ thống Core Banking xác nhận giao dịch nộp tiền đã thành công.

2. Đối với hình thức nộp thuế giao dịch tại quầy: ngày nộp thuế được xác định là ngày Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng xác nhận đã nộp tiền lên liên chứng từ nộp tiền của người nộp thuế.

Điều 5. Chứng từ nộp thuế, phí

1. Các loại chứng từ:

a) Bảng kê nộp thuế sử dụng để người nộp thuế kê khai thông tin cho từng loại thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của cơ quan hải quan theo mẫu số 01/BKNT ban hành kèm theo Thông tư này.

Bảng kê nộp phí sử dụng để người nộp thuế kê khai thông tin nộp phí cho cơ quan quản lý theo mẫu số 02/BKNP ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước theo mẫu số C1-02/NS hoặc vào tài khoản thu phí theo mẫu số C1-11/PHI ban hành kèm theo Thông tư này.

Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước hoặc vào tài khoản thu phí do ngân hàng cấp cho người nộp thuế phải đầy đủ thông tin số, ký hiệu chứng từ, dấu và chữ ký của ngân hàng, Kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật;

c) Biên lai thu thuế, thu phí theo mẫu quy định của Bộ Tài chính sử dụng để cơ quan thu thu tiền trực tiếp từ người nộp thuế.

2. Lập chứng từ:

Người nộp thuế lập chứng từ nộp thuế, phí theo mẫu quy định tại khoản 1 Điều này.

Trường hợp lập chứng từ nộp tiền tại chương trình hỗ trợ trên cổng thông tin điện tử hải quan, người nộp thuế kê khai mã số thuế và số tờ khai để in chứng từ nộp tiền chuyển ngân hàng phối hợp thu hoặc Kho bạc Nhà nước để nộp tiền thuế hoặc tiền phí.

Một bảng kê, một giấy nộp tiền được sử dụng để nộp tiền thuế cho một hoặc nhiều tờ khai hải quan; một bảng kê, một giấy nộp tiền được sử dụng để nộp tiền phí cho một hoặc nhiều hồ sơ lô hàng.

3. In chứng từ:

a) Việc in chứng từ nộp tiền cho người nộp thuế (nếu người nộp thuế yêu cầu) được thực hiện sau khi ngân hàng phối hợp thu đã kiểm soát nội bộ, thực hiện truyền thông tin và chuyển tiền vào ngân sách nhà nước, truyền thông tin chứng từ nộp tiền qua Cổng thanh toán điện tử hải quan;

b) Đối với ngân hàng chưa phối hợp thu việc in chứng từ nộp tiền cho người nộp thuế được thực hiện sau khi đã kiểm soát nội bộ, thực hiện chuyển tiền vào ngân sách nhà nước.

4. Sử dụng, cấp chứng từ nộp thuế phục hồi, xác nhận số thuế đã nộp:

a) Chứng từ nộp thuế, phí được ngân hàng, Kho bạc Nhà nước xác nhận (đã ký tên, đóng dấu) được sử dụng quyết toán với cơ quan quản lý thuế;

b) Trường hợp người nộp thuế có nhu cầu cấp chứng từ đã nộp thuế thì được cấp chứng từ nộp thuế phục hồi từ theo mẫu C1-02/NS/PH ban hành kèm theo Thông tư này.

b1) Ngân hàng, Kho bạc Nhà nước đã thực hiện giao dịch trích tiền từ tài khoản của người nộp thuế hoặc thu tiền thuế có trách nhiệm cấp chứng từ nộp thuế phục hồi cho người nộp thuế, trong đó phải đầy đủ các thông tin theo chứng từ gốc và có ngày cấp chứng từ chuyển đổi, chữ ký, tên cán bộ đại diện, đóng dấu của cơ quan cấp chứng từ phục hồi;

b2) Cơ quan hải quan cấp giấy xác nhận số thuế đã nộp cho người nộp thuế trên cơ sở dữ liệu thu nộp do Kho bạc Nhà nước chuyển sang.

Điều 6. Điều kiện ngân hàng tham gia phối hợp thu

Ngân hàng phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

1. Đã triển khai hệ thống Core Banking.

2. Hệ thống công nghệ thông tin của ngân hàng đáp ứng kết nối và trao đổi thông tin 24/7 với Cổng thanh toán điện tử hải quan, đảm bảo an toàn, bảo mật hệ thống công nghệ thông tin.

3. Hệ thống công nghệ thông tin của ngân hàng có chức năng thu nộp tiền thuế tại quầy và thu nộp tiền thuế qua kênh giao dịch điện tử.

4. Cam kết có đầy đủ trang thiết bị, cơ sở vật chất kỹ thuật, nguồn nhân lực; tuân thủ nghiêm túc các nguyên tắc, quy trình, trách nhiệm đáp ứng yêu cầu tổ chức phối hợp thu nộp tiền thuế, bảo lãnh thuế điện tử.

Trường hợp ngân hàng có điều kiện đặc thù, chưa đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 4 Điều này, Tổng cục Hải quan có văn bản trình Bộ Tài chính xử lý từng trường hợp cụ thể theo nguyên tắc đảm bảo an toàn, bảo mật, công bằng và hiệu quả.

Điều 7. Hồ sơ, thủ tục đăng ký tham gia phối hợp thu

1. Hồ sơ đăng ký:

a) Công văn đề nghị tham gia phối hợp thu của ngân hàng trong đó nêu rõ giải pháp thu nộp tiền thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu; cam kết tuân thủ các nguyên tắc, quy trình trách nhiệm khi phối hợp thu nộp tiền thuế với Tổng cục Hải quan: 01 bản chính (theo mẫu 01/CVDN-NHTM);

b) Xác nhận của Ngân hàng Nhà nước về việc ngân hàng đã áp dụng chương trình Core Banking: 01 bản chính;

c) Các văn bản do cơ quan có thẩm quyền cấp chứng minh ngân hàng được thành lập và hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam là bản sao có đóng dấu của ngân hàng, gồm:

c1) Quyết định thành lập và quyết định hoạt động ngân hàng của cơ quan có thẩm quyền cấp: 01 bản sao;

c2) Giấy phép thành lập và giấy phép hoạt động ngân hàng của cơ quan có thẩm quyền cấp: 01 bản sao;

c3) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 01 bản sao.

2. Thủ tục, trình tự đăng ký

a) Trong thời gian 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Tổng cục Hải quan có công văn thông báo gửi ngân hàng;

b) Trường hợp đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày gửi thông báo ngân hàng, Tổng cục Hải quan cử đoàn khảo sát đến địa điểm, cơ sở vật chất của Hội sở chính, trung tâm đặt hệ thống máy chủ và hệ thống dự phòng để kiểm tra hạ tầng công nghệ, giải pháp công nghệ thông tin (bao gồm về mạng, máy chủ, thiết bị mạng, thiết bị an ninh và các thiết bị liên quan khác), đảm bảo an toàn, bảo mật hệ thống công nghệ thông tin kết nối với cơ quan hải quan 24/7;

c) Trường hợp biên bản kết luận của đoàn khảo sát xác nhận ngân hàng đủ điều kiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư này thì trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, Tổng cục Hải quan thông báo với ngân hàng đủ điều kiện tham gia phối hợp thu ngân sách nhà nước, bảo lãnh thuế bằng phương thức điện tử với cơ quan hải quan, chuẩn bị triển khai về hạ tầng công nghệ và phần mềm đáp ứng yêu cầu trao đổi thông tin qua Cổng thanh toán điện tử hải quan để ký kết thỏa thuận phối hợp thu ngân sách nhà nước, bảo lãnh thuế bằng phương thức điện tử theo quy định tại Thông tư này.

Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày ngân hàng cung cấp đủ tài liệu, hồ sơ liên quan theo yêu cầu của đoàn công tác (nếu có), Tổng cục Hải quan có văn bản thông báo với ngân hàng đủ điều kiện tham gia phối hợp thu nộp tiền thuế, bảo lãnh thuế bằng phương thức điện tử với cơ quan hải quan, chuẩn bị triển khai về hạ tầng công nghệ và phần mềm đáp ứng yêu cầu trao đổi thông tin qua Cổng thanh toán điện tử hải quan để ký kết thỏa thuận phối hợp thu nộp tiền thuế, bảo lãnh thuế bằng phương thức điện tử theo quy định tại Thông tư này;

d) Trường hợp kết luận của đoàn khảo sát xác nhận ngân hàng chưa đủ điều kiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư này, trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, Tổng cục Hải quan có công văn trả lời ngân hàng về việc không đủ điều kiện tham gia phối hợp thu nộp tiền thuế, bảo lãnh thuế bằng phương thức điện tử với cơ quan hải quan theo quy định tại Thông tư này.

Điều 8. Điều kiện trao đổi thông tin

1. Cổng thanh toán điện tử hải quan kết nối trực tiếp với hệ thống tập trung của Tổng cục Hải quan, Kho bạc Nhà nước và ngân hàng.

2. Cổng thông tin một cửa quốc gia kết nối trực tiếp với hệ thống của cơ quan quản lý.

3. Thông tin thu nộp tiền ở dạng các thông điệp điện tử trao đổi giữa các bên liên quan:

a) Phải đầy đủ tiêu chí theo quy định tại biểu mẫu thu nộp tiền thuế ban hành kèm theo Thông tư này và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành;

b) Phải được ký số và áp dụng phương án bảo mật; chứng thư số sử dụng để ký trên thông điệp điện tử:

b1) Được cung cấp từ các đơn vị chứng thực số công cộng do Bộ Thông tin và truyền thông cấp phép, trong trường hợp trao đổi thông tin giữa Tổng cục Hải quan và các ngân hàng;

b2) Phải có hiệu lực trong suốt thời gian hai bên kết nối trao đổi thông tin qua Cổng thanh toán điện tử của cơ quan hải quan;

b3) Trong trường hợp thay đổi chứng thư số, đơn vị sử dụng chứng thư số có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho các bên liên quan trước 15 ngày làm việc kể từ ngày chứng thư số mới có hiệu lực;

b4) Trường hợp Tổng cục Hải quan trao đổi thông tin với Kho bạc Nhà nước, chứng thư số thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

c) Thông tin về số hiệu, ký hiệu của giấy nộp tiền, bảng kê do ngân hàng lập được thống nhất khi trao đổi thông tin với cơ quan hải quan, cơ quan Kho bạc Nhà nước và trao đổi giữa cơ quan Kho bạc Nhà nước với cơ quan hải quan.

4. Sau khi thu tiền, trích tiền của người nộp thuế, truyền ngay dữ liệu thông tin thu theo đúng định dạng thống nhất (một thông điệp truyền sang Cổng thanh toán điện tử hải quan theo từng tờ khai hoặc nhiều tờ khai, từng hồ sơ hoặc nhiều hồ sơ tương ứng với một giấy nộp tiền) đến Cổng thanh toán điện tử hải quan.

Điều 9. Trách nhiệm của người nộp thuế

1. Xác định, kê khai chính xác, đầy đủ các thông tin nộp tiền thuế, tiền phí trên bảng kê nộp tiền, giấy nộp tiền thuế vào ngân sách nhà nước hoặc giấy nộp tiền phí gửi ngân hàng để nộp tiền hoặc yêu cầu trích chuyển tiền nộp thuế, phí.

Người nộp thuế có thể sử dụng chương trình hỗ trợ của Tổng cục Hải quan để lập bảng kê nộp thuế hoặc bảng kê nộp phí trong trường hợp thu nộp phí cho cơ quan quản lý tại Cổng thông tin điện tử hải quan.

2. Bổ sung đầy đủ, kịp thời số tờ khai và các thông tin liên quan còn thiếu trên bảng kê nộp tiền hoặc giấy nộp tiền cho cơ quan hải quan, Kho bạc Nhà nước, ngân hàng khi có yêu cầu; trường hợp kê khai không chính xác thông tin, người nộp thuế tự chịu trách nhiệm về việc chậm bổ sung thông tin hoặc thông tin không chính xác làm ảnh hưởng đến quá trình xử lý, hạch toán, thanh khoản nợ và thông quan hàng hóa.

3. Trường hợp ngân hàng phát hành thư bảo lãnh tiền thuế (bằng giấy), người nộp thuế nộp bản gốc thư bảo lãnh thuế để cơ quan hải quan lưu và cập nhật vào hệ thống KTTT trước khi chính thức khai báo tờ khai hải quan.

4. Phối hợp với ngân hàng, Kho bạc Nhà nước, cơ quan hải quan xử lý sai sót khi chuyển tiền nộp thuế hoặc bảo lãnh thuế điện tử.

Điều 10. Trách nhiệm ngân hàng phối hợp thu

1. Cung cấp các dịch vụ thu nộp tiền thuế để người nộp thuế, người khai hải quan thực hiện giao dịch nộp tiền thuế tại quầy và bằng phương thức điện tử.

2. Hướng dẫn người nộp thuế, người khai hải quan kê khai các thông tin phù hợp, đầy đủ các chỉ tiêu trên bảng kê nộp thuế (mẫu số 01/BKNT) hoặc bảng kê nộp phí (mẫu số 02/BKNP) ban hành kèm theo Thông tư này.

Trường hợp người nộp thuế, nộp phí, lệ phí hải quan cho nhiều tờ khai, ngân hàng phối hợp thu hướng dẫn người nộp thuế lập bảng kê danh sách các tờ khai nộp phí, lệ phí hải quan đính kèm bảng kê nộp thuế hoặc giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước.

3. Bảo mật thông tin của người nộp thuế, người khai hải quan khi đã truy xuất từ Cổng thanh toán điện tử hải quan theo đúng quy định của pháp luật về bảo mật thông tin và văn bản thoả thuận hợp tác đã ký giữa các bên.

4. Truyền thông tin giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước, thông tin thư bảo lãnh thuế hoặc giấy nộp tiền vào tài khoản thu phí, trong trường hợp thu nộp phí, cho các cơ quan quản lý qua Cổng thanh toán điện tử hải quan theo quy định tại Điều 17, Điều 22, Điều 23 của Thông tư này.

5. Chuyển tiền thanh toán và hạch toán đầy đủ, chính xác, kịp thời các khoản thu ngân sách nhà nước vào tài khoản của Kho bạc Nhà nước mở tại ngân hàng ủy nhiệm thu theo đúng quy định.

6. Cập nhật và truyền đầy đủ, chính xác thông tin trên chứng từ chuyển tiền cho ngân hàng ủy nhiệm thu.

7. Chịu trách nhiệm đến cùng về thông tin số tiền đã thu truyền sang Cổng thanh toán điện tử hải quan, số tiền thuế đã bảo lãnh của tờ khai được bảo lãnh thuế, đến khi hạch toán vào tài khoản thu ngân sách nhà nước tại Kho bạc Nhà nước.

8. Chỉ sử dụng thông tin do Tổng cục Hải quan cung cấp vào mục đích thu nộp tiền thuế, bảo lãnh tiền thuế, thanh toán quốc tế không sử dụng với mục đích khác.

9. Không được hủy lệnh chuyển tiền khi thông tin nộp tiền đã được Cổng thanh toán điện tử hải quan xác nhận thành công nếu chưa có xác nhận đồng ý của cơ quan hải quan. Trường hợp có sai sót thì xử lý theo trình tự tại Điều 25 và Điều 28 Thông tư này.

10. Phối hợp với Kho bạc Nhà nước, ngân hàng ủy nhiệm thu, cơ quan hải quan và cơ quan quản lý xử lý sai sót trong quá trình thực hiện.

Điều 11. Trách nhiệm ngân hàng phối hợp thu đồng thời là ngân hàng ủy nhiệm thu (sau đây gọi chung là ngân hàng ủy nhiệm thu)

1. Thực hiện đầy đủ các trách nhiệm của ngân hàng phối hợp thu quy định tại Điều 10 Thông tư này.

2. Sau khi nhận lệnh thanh toán nộp tiền thuế, phí từ ngân hàng phối hợp thu, ngân hàng chưa phối hợp thu, thực hiện chuyển tiền thanh toán và hạch toán đầy đủ, chính xác, kịp thời các khoản thu ngân sách nhà nước vào tài khoản của Kho bạc Nhà nước mở tại ngân hàng ủy nhiệm thu theo đúng quy định.

3. Trường hợp đối chiếu có phát sinh chênh lệch số nộp tiền vào ngân sách từ ngân hàng phối hợp thu, ngân hàng chưa phối hợp thu, có trách nhiệm tra soát với cơ quan Kho bạc Nhà nước và thông báo lại cho các bên liên quan xử lý kịp thời tiền vào ngân sách.

Điều 12. Trách nhiệm của ngân hàng chưa phối hợp thu

1. Hướng dẫn người nộp thuế kê khai các thông tin đầy đủ các chỉ tiêu trên giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước (mẫu C1-02/NS)/hoặc vào tài khoản thu phí (mẫu C1-11/PHI).

2. Chuyển tiền thanh toán, chuyển thông tin trên giấy nộp tiền cho ngân hàng ủy nhiệm thu đầy đủ, chính xác, kịp thời theo đúng quy định.

3. Cấp giấy nộp tiền có đầy đủ chữ ký và đóng dấu xác nhận đã kiểm soát của ngân hàng cho người nộp thuế.

4. Hoàn trả các khoản thu ngân sách nhà nước cho Kho bạc Nhà nước theo chế độ quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn luật trong trường hợp chuyển tiền thanh toán và hạch toán không đầy đủ, kịp thời các khoản đã thu ngân sách nhà nước.

5. Tra soát và yêu cầu người nộp thuế bổ sung đầy đủ thông tin ghi trên giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước khi có yêu cầu bổ sung thông tin từ ngân hàng ủy nhiệm thu hoặc Kho bạc Nhà nước.

6. Phối hợp với Kho bạc Nhà nước, cơ quan hải quan, cơ quan quản lý và các bên liên quan xử lý sai sót trong quá trình thực hiện.

Điều 13. Trách nhiệm của Kho bạc Nhà nước

1. Cung cấp thông tin dữ liệu về danh mục “Cơ quan Kho bạc Nhà nước hạch toán thu nộp tiền thuế” và danh mục “ngân hàng ủy nhiệm thu của Kho bạc Nhà nước” cho Tổng cục Hải quan đầy đủ, kịp thời.

2. Truyền lại thông tin bảng kê chứng từ nộp ngân sách do lỗi đường truyền.

3. Hướng dẫn người nộp thuế lập bảng kê nộp thuế hoặc bảng kê nộp phí, lệ phí theo đúng các nội dung yêu cầu của chứng từ.

4. Sử dụng thông tin trên Cổng thanh toán điện tử hải quan để xác định mã Chương, mã Tiểu mục hạch toán thu nộp tiền thuế,

5. Bảo mật thông tin của người nộp thuế khi truy xuất từ Cổng thanh toán điện tử hải quan theo đúng quy định về bảo mật thông tin của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

6. Ghi nhận chính xác thông tin “ngày nộp thuế” và các thông tin liên quan trên giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước của người nộp thuế theo đúng nội dung trên chứng từ do ngân hàng ủy nhiệm thu hoặc ngân hàng thu tiền thuế chuyển đến để truyền thông tin cho cơ quan hải quan hạch toán giảm nghĩa vụ cho người nộp thuế.

7. Phối hợp với cơ quan hải quan trên địa bàn để tra soát các chứng từ nộp tiền thiếu thông tin hạch toán thu nộp tiền thuế theo hướng dẫn của Bộ Tài chính đảm bảo hạch toán thu nộp tiền thuế và hạch toán giảm nghĩa vụ cho người nộp thuế đầy đủ, chính xác.

8. Phối hợp với ngân hàng, cơ quan hải quan, cơ quan quản lý và các bên liên quan xử lý sai sót phát sinh.

Điều 14. Trách nhiệm của cơ quan hải quan

1. Cập nhật, bổ sung đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin chung, mã chương của người nộp thuế từ cơ quan Thuế, thông tin về số tiền thuế phải thu của người nộp thuế vào hệ thống cơ sở dữ liệu, hướng dẫn xử lý kịp thời các mã lỗi do ngân hàng phối hợp thu thông báo theo đúng quy trình nội bộ của ngành.

2. Nhận thông tin số phải thu phí của cơ quan quản lý từ cổng thông tin một cửa quốc gia chuyển sang Cổng thanh toán điện tử hải quan.

3. Cung cấp, đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin dữ liệu về khoản nộp ngân sách nhà nước trên Cổng thanh toán điện tử hải quan, thông tin mã Chương, mã Tiểu mục, mã và tên cơ quan Kho bạc Nhà nước hạch toán thu nộp tiền thuế để cung cấp cho người nộp thuế, ngân hàng phối hợp thu và Kho bạc Nhà nước truy cập khi thu tiền thuế.

4. Cung cấp, đăng tải và cập nhật kịp thời các thông tin liên quan đến số tiền đã nộp thuế, danh mục mã và tên Kho bạc Nhà nước hạch toán thu nộp tiền thuế, mã và tên ngân hàng ủy nhiệm thu của Kho bạc Nhà nước, danh mục ngân hàng phối hợp thu, chuẩn kết nối, mã định danh và mã tham chiếu trên cổng thông tin điện tử hải quan.

5. Cung cấp các thông tin liên quan cho Kho bạc Nhà nước, ngân hàng trên cổng thông tin điện tử hải quan khi có thay đổi về tên, mã cơ quan thu, mã cơ quan hải quan, mã Kho bạc Nhà nước nơi cơ quan hải quan mở tài khoản.

6. Cung cấp hàng ngày bảng kê các thông tin liên quan đến các khoản thu phí cho cơ quan quản lý nhận qua Cổng thanh toán điện tử hải quan.

7. Cung cấp một số thông tin tờ khai hải quan phục vụ thanh toán quốc tế qua Cổng thanh toán điện tử hải quan cho các ngân hàng phối hợp thu.

8. Xây dựng và ban hành các văn bản quy định cụ thể trách nhiệm cho các đơn vị khi cung cấp, khai thác, truy vấn và sử dụng thông tin từ Cổng thanh toán điện tử hải quan.

9. Ban hành các chuẩn thông tin trao đổi, kết nối với cổng thông tin một cửa quốc gia, Cổng thanh toán điện tử hải quan, quy trình và yêu cầu kỹ thuật khi đọc mã vạch hoặc Số định danh hồ sơ trên chứng từ nộp tiền cho các ngân hàng, cơ quan quản lý và các đơn vị liên quan.

10. Hướng dẫn người nộp thuế, ngân hàng phối hợp thu sử dụng chương trình để lập bảng kê, giấy nộp tiền tại Cổng thông tin điện tử hải quan.

11. Hướng dẫn ngân hàng phối hợp thu, ngân hàng phối hợp thu đồng thời là ngân hàng ủy nhiệm thu, xử lý thu nộp tiền thuế trong trường hợp thông tin nộp tiền chưa phù hợp, thông tin sai lệch, không có thông tin nộp tiền hoặc nộp thừa tiền vào tài khoản của Kho bạc Nhà nước tại ngân hàng ủy nhiệm thu.

12. Bổ sung, chuyển lại thông tin kịp thời để cập nhật dữ liệu thu vào Cổng thanh toán điện tử hải quan và hạch toán thu nộp tiền thuế khi nhận được thư tra soát của Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng ủy nhiệm thu theo đúng quy định.

13. Phối hợp với Kho bạc Nhà nước, ngân hàng, người nộp thuế và cơ quan quản lý xử lý sai sót trong quá trình thực hiện.

14. Hạch toán trừ nợ, xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế và tính tiền chậm nộp (nếu phát sinh) ngay sau khi nhận thông tin nộp tiền điện tử do ngân hàng phối hợp

thu, Kho bạc Nhà nước truyền qua Cổng thanh toán điện tử hải quan.

15. Tổng cục Hải quan thừa ủy quyền của cơ quan quản lý ký Thỏa thuận hợp tác với các ngân hàng về phối hợp thu phí, lệ phí và các khoản thu khác của cơ quan quản lý hành chính một cửa quốc gia.

Điều 15. Trách nhiệm của cơ quan quản lý khi trao đổi thông tin thu nộp phí qua cổng thông tin một cửa quốc gia

1. Có phần mềm theo dõi phí, lệ phí, có khả năng kết nối và trao đổi thông tin với Cổng thanh toán điện tử hải quan thông qua một cửa quốc gia.

2. Mở riêng tài khoản tiền gửi chuyên dùng để thu phí, lệ phí và các khoản thu khác qua một cửa quốc gia tại các ngân hàng phối hợp thu hoặc Kho bạc Nhà nước theo quy định hiện hành về quản lý tài khoản thu.

3. Ủy quyền Tổng cục Hải quan ký Thỏa thuận với các ngân hàng về phối hợp thu phí, lệ phí và các khoản thu khác.

4. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin trên mẫu bảng kê thu phí, thông tin liên quan đến khoản phí, lệ phí và các khoản thu khác phải thu qua một cửa quốc gia quy định tại khoản 1 Điều 23 Thông tư này.

5. Phối hợp với các ngân hàng phối hợp thu hoặc Kho bạc Nhà nước hàng ngày đối chiếu, xác định số tiền phí, lệ phí đã thu qua Cổng thanh toán điện tử hải quan với sao kê sổ phụ tài khoản do ngân hàng phối hợp thu hoặc Kho bạc Nhà nước giữ tài khoản cấp, phối hợp xử lý các sai sót (nếu có).

6. Phối hợp với Tổng cục Hải quan hàng ngày kiểm tra, đối chiếu số tiền phí, lệ phí, thông báo sai sót (nếu có) phát sinh dựa trên bảng kê do Hải quan cung cấp, và sao kê tài khoản do ngân hàng hoặc Kho bạc Nhà nước giữ tài khoản cấp.

7. Tuân thủ nghiêm túc các nguyên tắc, quy trình, trách nhiệm trong việc thực hiện phối hợp thu phí, lệ phí và các khoản thu khác.

CHƯƠNG II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 16. Địa điểm, hình thức, phương thức nộp tiền thuế, tiền phí; bảo lãnh tiền thuế bằng phương thức điện tử

1. Địa điểm:

a) Người nộp thuế thực hiện nộp tiền thuế, phí vào Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng.

a1) Thủ tục, trình tự nộp tiền thuế tại ngân hàng thực hiện theo quy định tại Điều 17, Điều 18, Điều 19 Thông tư này;

a2) Thủ tục, trình tự nộp tiền thuế tại Kho bạc Nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 20 Thông tư này;

a3) Trình tự thu nộp tiền phí của cơ quan quản lý thực hiện theo quy định tại Điều 23 Thông tư này;

b) Trường hợp người nộp thuế nộp tiền thuế bằng tiền mặt nhưng Kho bạc Nhà

nước hoặc các ngân hàng ủy nhiệm thu không tổ chức điểm thu tại địa điểm làm thủ tục hải quan, cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan thực hiện thu số tiền thuế do người nộp thuế nộp và chuyển toàn bộ số tiền thuế đã thu vào tài khoản thu ngân sách của Kho bạc Nhà nước mở tại ngân hàng theo quy định.

Trường hợp tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan, người nộp thuế có nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt và tiền thu khác tại các cơ quan hải quan khác và muốn nộp ngay số tiền nợ đó, người nộp thuế khai báo và nộp tiền tại điểm thu của Kho bạc nhà nước, ngân hàng hoặc nộp cho cơ quan hải quan nơi làm thủ tục.

Thủ tục, trình tự thu nộp tiền thuế tại cơ quan hải quan thực hiện theo quy định tại Điều 21 Thông tư này;

c) Trường hợp thực hiện bảo lãnh tiền thuế bằng phương thức điện tử tại ngân hàng phối hợp thu.

2. Hình thức:

Người nộp thuế, người khai hải quan được lựa chọn nộp tiền thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác bằng tiền mặt hoặc các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt (sau đây gọi là chuyển khoản).

3. Phương thức:

- a) Người nộp thuế nộp tiền bằng chuyển khoản hoặc bằng tiền mặt tại quầy;
- b) Người nộp thuế nộp tiền bằng chuyển khoản qua kênh giao dịch điện tử.

Điều 17. Nộp tiền thuế qua ngân hàng phối hợp thu

1. Người nộp thuế kê khai các thông tin liên quan đến số tiền phải nộp cho từng loại tiền ghi trên bảng kê nộp thuế (mẫu số 01/BKNT) hoặc lập tại chương trình kê khai nộp tiền trên cổng thông tin điện tử hải quan gửi chi nhánh, điểm giao dịch của ngân hàng phối hợp thu để thực hiện nộp tiền thuế hoặc yêu cầu trích chuyển tiền nộp thuế.

Trường hợp người nộp thuế sử dụng kênh giao dịch điện tử của ngân hàng thì đăng nhập vào chương trình thu nộp tiền thuế của ngân hàng để kê khai thông tin liên quan số tiền phải nộp cho từng loại thuế và gửi ngân hàng phối hợp thu yêu cầu trích chuyển tiền nộp thuế.

Trường hợp tiền thuế phải nộp vào tài khoản thu khác nhau, thì lập riêng bảng kê nộp thuế tương ứng với từng tài khoản thu.

2. Hệ thống của ngân hàng kiểm tra thông tin người nộp thuế kê khai, đối chiếu với thông tin truy vấn trên Cổng thanh toán điện tử hải quan và thực hiện xử lý như sau:

a) Trường hợp thông tin phù hợp với thông tin truy vấn trên Cổng thanh toán điện tử hải quan: trích tiền hoặc thu tiền của người nộp thuế để chuyển ngay vào tài khoản thu của Kho bạc Nhà nước mở tại ngân hàng ủy nhiệm thu; đồng thời truyền ngay dữ liệu thông tin thu đến Cổng thanh toán điện tử hải quan, và lập giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước; trường hợp thu tiền và hạch toán sau thời điểm cut offtime: chậm nhất vào đầu giờ của ngày làm việc tiếp theo (trừ ngày làm việc cuối cùng của năm), phải chuyển ngay vào tài khoản thu của Kho bạc Nhà nước. Đối với ngày làm việc cuối cùng của năm phải phối hợp ngân hàng ủy nhiệm thu để hạch toán và truyền chứng từ ngay trong ngày làm việc cuối cùng của năm.

Trường hợp, người nộp thuế nộp tiền lệ phí hải quan cho nhiều tờ khai, ngân

hàng cập nhật các thông tin liên quan phù hợp thông điệp thanh toán lệ phí hải quan, số tờ khai đại diện, tổng số tiền lệ phí phải nộp;

b) Trường hợp thông tin chưa phù hợp với thông tin truy vấn trên Cổng thanh toán điện tử hải quan: chưa phù hợp các thông tin liên quan (trừ thông tin về số tiền), ngân hàng yêu cầu người nộp thuế làm rõ, sửa đổi, bổ sung thông tin phù hợp trước khi chuyển tiền;

c) Trường hợp thông tin người nộp thuế kê khai nhưng không có trên Cổng thanh toán điện tử hải quan, ngân hàng thông báo cho người nộp thuế để kiểm tra lại thông tin trên tờ khai nộp thuế và phản hồi lại bộ phận hỗ trợ (điện thoại và địa chỉ trên cổng thông tin điện tử hải quan) để được xử lý, trường hợp cơ quan hải quan chưa xử lý, ngân hàng căn cứ thông tin kê khai của người nộp thuế để thực hiện: trích tiền hoặc thu tiền của người nộp thuế chuyển ngay vào tài khoản thu của Kho bạc Nhà nước mở tại ngân hàng ủy nhiệm thu hoặc Kho bạc Nhà nước; đồng thời truyền ngay dữ liệu thông tin thu đến Cổng thanh toán điện tử hải quan và lập giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước;

d) Trường hợp người nộp thuế cung cấp bảng kê nộp thuế được lập trên Cổng thông tin điện tử hải quan, ngân hàng nhập vào chương trình thu nộp thuế mã số định danh hồ sơ hoặc sử dụng máy quét thông tin mã vạch để lấy toàn bộ thông tin giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước và thực hiện các bước tiếp theo như quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

3. Cơ quan hải quan sử dụng hệ thống điện tử tự động để kiểm tra thông tin do ngân hàng gửi qua Cổng thanh toán điện tử hải quan, thực hiện:

a) Trường hợp phù hợp với thông tin Cổng thanh toán điện tử hải quan, tự động cập nhật thông tin thu, hạch toán thanh khoản nợ, xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế, thông quan hàng hóa, tính tiền chậm nộp (nếu có) theo quy định.

Trường hợp, người nộp thuế nộp tiền lệ phí hải quan cho nhiều tờ khai, hệ thống điện tử của cơ quan hải quan sẽ tự động trừ lùi số tiền lệ phí phải thu theo nguyên tắc thời gian nợ lệ phí xa nhất;

b) Trường hợp không phù hợp với thông tin trên Cổng thanh toán điện tử hải quan (sai các thông tin liên quan trên thông điệp chuyển tiền), thông báo mã lỗi cho ngân hàng và từ chối cập nhật thông tin nộp tiền vào hệ thống tác nghiệp của hải quan, sau khi ngân hàng đã chỉnh sửa phù hợp tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này;

c) Trường hợp hệ thống không tự động thông quan do thông tin không phù hợp với thông tin phải nộp trên hệ thống KTTT, cơ quan hải quan kiểm tra thông tin trên hệ thống với thông tin do người nộp thuế xuất trình để xử lý theo quy định, đồng thời thông báo lại những thông tin chưa phù hợp cho người nộp thuế để điều chỉnh chứng từ nộp tiền.

4. Sau khi nhận được thông tin chuyển tiền do ngân hàng ủy nhiệm thu chuyển đến, Kho bạc Nhà nước thực hiện hạch toán kế toán số tiền phát sinh vào tài khoản thu nộp tiền thuế hoặc vào tài khoản tương ứng của cơ quan hải quan quy định tại Điều 3 Thông tư này.

Cuối ngày hoặc chậm nhất vào đầu ngày làm việc tiếp theo, Kho bạc Nhà nước truyền bảng kê chứng từ nộp ngân sách qua trung tâm dữ liệu của Bộ Tài chính.

5. Sau khi nhận được thông tin hạch toán thu nộp tiền thuế do Kho bạc Nhà nước gửi đến, Hệ thống điện tử tự động của cơ quan hải quan cập nhật thông tin và hạch toán kế toán thanh toán với ngân sách nhà nước theo quy định.

6. Trường hợp hệ thống đường truyền có sự cố, các đơn vị xử lý theo quy định tại Điều 24 Thông tư này.

Điều 18. Nộp tiền thuế qua ngân hàng phối hợp thu đồng thời có ủy nhiệm thu với Kho bạc Nhà nước

1. Người nộp thuế kê khai các thông tin liên quan đến số tiền phải nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Thông tư này.

2. Hệ thống của ngân hàng kiểm tra thông tin người nộp thuế kê khai, đối chiếu với thông tin truy vấn trên Cổng thanh toán điện tử hải quan và thực hiện:

a) Trường hợp thông tin phù hợp với thông tin truy vấn trên Cổng thanh toán điện tử hải quan, ngân hàng thực hiện: trích tiền hoặc thu tiền của người nộp thuế, hạch toán và chuyển ngay vào tài khoản thu của Kho bạc Nhà nước; đồng thời truyền ngay dữ liệu thông tin thu đến Cổng thanh toán điện tử hải quan, lập giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước;

b) Trường hợp thông tin chưa phù hợp với thông tin truy vấn trên Cổng thanh toán điện tử hải quan: chưa phù hợp các thông tin liên quan (trừ thông tin về số tiền), ngân hàng yêu cầu người nộp thuế làm rõ, sửa đổi, bổ sung thông tin phù hợp trước khi chuyển tiền.

Trường hợp thông tin chưa phù hợp nhận từ ngân hàng phối hợp thu/ngân hàng chưa phối hợp thu: trong thời gian tối đa 01(một) ngày làm việc ngân hàng phối hợp thu được ủy nhiệm thu thông báo với ngân hàng phối hợp thu/ngân hàng chưa phối hợp thu xử lý, bổ sung trường hợp thông tin trên lệnh chuyển tiền chưa đầy đủ;

c) Trường hợp thông tin người nộp thuế kê khai nhưng không có trên Cổng thanh toán điện tử hải quan, ngân hàng thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 17 Thông tư này;

d) Trường hợp người nộp thuế cung cấp bảng kê nộp thuế được lập trên công thông tin điện tử hải quan, ngân hàng nhập vào chương trình thu nộp thuế mã số định danh hồ sơ hoặc sử dụng máy quét thông tin mã vạch để lấy toàn bộ thông tin giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước và thực hiện các bước tiếp theo như quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

đ) Sau khi nhận chứng từ nộp tiền liên ngân hàng, ngân hàng kiểm tra thông tin trên lệnh chuyển tiền, đối chiếu với thông tin truy vấn trên Cổng thanh toán điện tử hải quan, trình tự xử lý theo quy định tại điểm a, b, c khoản này. Trường hợp có sai sót thì xử lý theo quy định tại Điều 25 và Điều 27 Thông tư này.

3. Cơ quan hải quan sử dụng hệ thống điện tử tự động kiểm tra thông tin do ngân hàng gửi qua Cổng thanh toán điện tử hải quan, thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Thông tư này.

4. Sau khi nhận được thông tin chuyển tiền do ngân hàng ủy nhiệm thu chuyển đến, Kho bạc Nhà nước thực hiện hạch toán kế toán số tiền phát sinh vào tài khoản thu nộp tiền thuế hoặc vào tài khoản tương ứng của cơ quan hải quan quy định tại Điều 3 Thông tư này.

Cuối ngày hoặc chậm nhất vào đầu ngày làm việc tiếp theo, Kho bạc Nhà nước truyền bảng kê chứng từ nộp ngân sách qua trung tâm dữ liệu của Bộ Tài chính.

5. Sau khi nhận được thông tin hạch toán thu nộp tiền thuế do Kho bạc Nhà nước gửi đến, cơ quan hải quan cập nhật thông tin và hạch toán kế toán thanh toán với ngân sách nhà nước theo quy định.

6. Trường hợp hệ thống đường truyền dữ liệu giữa ngân hàng ủy nhiệm thu và Cổng thanh toán điện tử hải quan có sự cố, các đơn vị thực hiện theo quy định tại Điều 24 Thông tư này.

Điều 19. Nộp thuế qua ngân hàng chưa phối hợp thu

1. Người nộp thuế thực hiện:

a) Lập 03 liên giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước;

b) Xác định số tiền thuế phải nộp cho từng loại thuế, kê khai đầy đủ các thông tin về thu ngân sách theo mẫu số C1-02/NS ban hành kèm theo Thông tư này, gửi ngân hàng để nộp tiền hoặc yêu cầu trích chuyển tiền nộp thuế;

c) Trường hợp người nộp thuế nộp tiền thuế vào tài khoản khác nhau, thì lập riêng giấy nộp tiền tương ứng với từng tài khoản thu.

2. Ngân hàng căn cứ thông tin giấy nộp tiền do người nộp thuế kê khai, thực hiện trích tiền từ tài khoản của người nộp thuế và chuyển tiền ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất vào đầu ngày làm việc tiếp theo trong trường hợp hết giờ chuyển tiền vào tài khoản thu của Kho bạc Nhà nước mở tại ngân hàng ủy nhiệm thu đảm bảo đầy đủ các thông tin mà người nộp thuế kê khai và thực hiện:

a) Xử lý các liên giấy nộp tiền:

Liên 1: Làm chứng từ ghi nợ tài khoản tiền gửi của người nộp thuế;

Liên 2: Gửi cho người nộp thuế;

Liên 3: Gửi cho ngân hàng được Kho bạc Nhà nước ủy nhiệm thu.

Trường hợp, ngân hàng chưa phối hợp thu chuyển thông tin và chuyển tiền qua giao dịch điện tử đã ký số đến ngân hàng ủy nhiệm thu thì không yêu cầu người nộp thuế lập liên 3 giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước;

b) Ngân hàng phải ghi đầy đủ các thông tin trên giấy nộp tiền của người nộp thuế vào chứng từ chuyển tiền cho Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng ủy nhiệm thu.

Trường hợp không có thông tin về mục lục ngân sách, ngân hàng chưa phối hợp thu thực hiện điền mã Chương “999”, mã Tiểu mục “9999” vào thông tin trên chứng từ chuyển tiền cho ngân hàng ủy nhiệm thu của Kho bạc Nhà nước hoặc để trống các thông tin này.

3. Ngay sau khi nhận được thông tin chuyển tiền do ngân hàng chưa phối hợp thu chuyển đến, ngân hàng phối hợp thu đồng thời là ủy nhiệm thu kiểm tra thông tin trên lệnh chuyển tiền, đối chiếu với thông tin truy vấn trên Cổng thanh toán điện tử hải quan và thực hiện xử lý như sau:

a) Trường hợp thông tin trên lệnh chuyển tiền phù hợp với thông tin truy vấn trên Cổng thanh toán điện tử hải quan, ngân hàng ủy nhiệm thu có trách nhiệm: chuyển tiền ngay vào tài khoản thu của Kho bạc Nhà nước để hạch toán thu ngân sách nhà nước, chuyển thông tin thu tới Kho bạc Nhà nước; đồng thời truyền ngay dữ liệu thông tin thu đến Cổng thanh toán điện tử hải quan;

b) Trường hợp thông tin trên lệnh chuyển tiền chưa phù hợp với thông tin truy vấn trên Cổng thanh toán điện tử hải quan (chưa phù hợp các thông tin liên quan, trừ thông tin về số tiền): trong vòng 01 (một) ngày làm việc, ngân hàng ủy nhiệm thu gửi thư tra soát cho ngân hàng chưa phối hợp thu yêu cầu người nộp thuế làm rõ, sửa đổi, bổ sung đảm bảo thông tin phù hợp trước khi chuyển tiền.

b1) Trong vòng 01 (một) ngày làm việc, ngân hàng chưa phối hợp thu có trách nhiệm yêu cầu người nộp thuế bổ sung thông tin và cung cấp đầy đủ thông tin tra soát gửi ngân hàng ủy nhiệm thu;

b2) Sau khi nhận được thông tin tra soát từ ngân hàng chưa phối hợp thu, ngân hàng ủy nhiệm thu chuyển tiền ngay vào tài khoản thu của Kho bạc Nhà nước để hạch toán thu ngân sách nhà nước, chuyển thông tin thu tới Kho bạc Nhà nước;

b3) Trường hợp quá 03 ngày không nhận được thông tin từ ngân hàng chưa phối hợp thu, ngân hàng ủy nhiệm thu chuyển tiền ngay vào tài khoản thu của Kho bạc Nhà nước để hạch toán chờ tra soát với ngân sách, chuyển thông tin thu tới Kho bạc Nhà nước.

c) Trường hợp kiểm tra thông tin người nộp thuế kê khai nhưng không có thông tin trên Cổng thanh toán điện tử hải quan, ngân hàng ủy nhiệm thu phản hồi lại bộ phận hỗ trợ của Tổng cục Hải quan để được xử lý, nếu cơ quan hải quan chưa xử lý, ngân hàng ủy nhiệm thu thực hiện theo điểm b khoản này.

Trường hợp ngân hàng không bổ sung thông tin thì căn cứ thông tin kê khai của người nộp và thực hiện chuyển tiền ngay vào tài khoản thu của Kho bạc Nhà nước, hạch toán chờ tra soát với ngân sách.

Sau khi người nộp thuế bổ sung thông tin phù hợp cho ngân hàng chưa phối hợp thu chuyển ngân hàng ủy nhiệm thu, thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.

Người nộp thuế, ngân hàng chưa phối hợp thu tự chịu trách nhiệm về việc chậm cung cấp thông tin hoặc thông tin không chính xác làm ảnh hưởng đến quá trình xử lý, hạch toán, thanh khoản nợ và thông quan hàng hóa.

4. Sau khi nhận được thông tin do ngân hàng ủy nhiệm thu gửi qua Cổng thanh toán điện tử hải quan, hệ thống điện tử của cơ quan hải quan tự động cập nhật thông tin thu, hạch toán thanh khoản nợ, xác nhận hoàn thành nghĩa vụ về thuế, tính tiền chậm nộp (nếu có) cho người nộp thuế theo quy định.

5. Sau khi nhận được thông tin chuyển tiền do ngân hàng ủy nhiệm thu chuyển đến, Kho bạc Nhà nước thực hiện hạch toán kế toán số tiền phát sinh vào tài khoản thu nộp tiền thuế hoặc vào tài khoản tương ứng của cơ quan hải quan quy định tại Điều 3 Thông tư này.

Cuối ngày hoặc chậm nhất vào đầu ngày làm việc tiếp theo, Kho bạc Nhà nước truyền bảng kê chứng từ nộp ngân sách qua trung tâm dữ liệu của Bộ Tài chính.

6. Sau khi nhận được thông tin hạch toán thu nộp tiền thuế do Kho bạc Nhà nước gửi đến, hệ thống điện tử của cơ quan hải quan cập nhật thông tin và hạch toán kế toán thanh toán với ngân sách nhà nước theo quy định.

7. Trường hợp ngân hàng chưa phối hợp thu nhưng được Kho bạc Nhà nước ủy nhiệm thu: trình tự thu tiền, trích tiền của người nộp thuế tương tự như ngân hàng chưa phối hợp thu.

Ngân hàng chưa phối hợp thu truyền thông tin và chuyển tiền cho ngân hàng ủy nhiệm thu nhưng chưa phối hợp thu, cơ quan hải quan sẽ nhận thông tin bảng kê giấy nộp tiền từ Kho bạc Nhà nước để hạch toán, trừ nợ, xác nhận hoàn thành nghĩa vụ về thuế và thông quan hàng hóa.

Điều 20. Nộp thuế trực tiếp tại Kho bạc Nhà nước

1. Người nộp thuế xác định số tiền thuế phải nộp cho từng loại thuế, kê khai đầy đủ nhu cầu các thông tin về thu ngân sách trên bảng kê nộp thuế (theo mẫu số 01/BKNT ban hành kèm theo Thông tư này, hoặc lập tại chương trình trên Cổng thông tin điện tử hải quan, gửi Kho bạc Nhà nước để nộp tiền hoặc trích chuyển tiền nộp thuế.

2. Kho bạc Nhà nước kiểm tra thông tin người nộp thuế kê khai, đối chiếu với thông tin truy vấn trên Cổng thanh toán điện tử hải quan và xử lý như sau:

a) Trường hợp thông tin phù hợp với thông tin truy vấn trên Cổng thanh toán điện tử hải quan, Kho bạc Nhà nước thực hiện:

a1) Trích tiền hoặc thu tiền của người nộp thuế để chuyển vào tài khoản thu nộp tiền thuế tại Kho bạc Nhà nước;

a2) Hạch toán kế toán số tiền phát sinh vào tài khoản thu ngân sách hoặc vào tài khoản tiền gửi tương ứng của cơ quan hải quan quy định tại Điều 3 thông tư này;

a3) Trong vòng 15 phút/01 lần truyền thông tin thu đến Cổng thanh toán điện tử hải quan.

Cuối ngày hoặc chậm nhất vào đầu ngày làm việc tiếp theo, Kho bạc Nhà nước truyền bảng kê chứng từ nộp ngân sách qua trung tâm dữ liệu của Bộ Tài chính để cơ quan hải quan đối chiếu với chứng từ đã truyền trong ngày.

b) Trường hợp thông tin chưa phù hợp với thông tin trên cổng thông tin điện tử hải quan, thực hiện:

b1) Trường hợp chưa phù hợp về mã số thuế, tên người nộp thuế, số tiền thuế, số tờ khai, mã nội dung kinh tế (mã chương, mã tiểu mục), Kho bạc Nhà nước yêu cầu người nộp thuế sửa đổi, bổ sung thông tin bảng kê nộp thuế phù hợp với thông tin từ cổng thông tin điện tử hải quan trước khi chuyển tiền;

b2) Trường hợp chưa phù hợp về thông tin mục lục ngân sách (mã nội dung kinh tế) nhưng người nộp thuế không thực hiện sửa đổi, bổ sung thông tin, Kho bạc Nhà nước hạch toán vào tài khoản chờ xử lý của cơ quan hải quan. Sau đó phối hợp với cơ quan hải quan kiểm tra và bổ sung thông tin theo quy định.

c) Trường hợp kiểm tra thông tin người nộp thuế kê khai nhưng không có thông tin trên Cổng thanh toán điện tử hải quan, Kho bạc Nhà nước phản hồi lại bộ phận hỗ trợ của Tổng cục Hải quan để được xử lý, nếu cơ quan hải quan chưa xử lý, Kho bạc Nhà nước căn cứ thông tin người nộp thuế kê khai trên bảng kê nộp thuế và truy vấn các thông tin còn lại khác (trừ nội dung kinh tế) trong cơ sở dữ liệu trên Cổng thanh toán điện tử hải quan để thực hiện:

c1) Trích tiền từ tài khoản của người nộp thuế hoặc thu tiền của người nộp thuế và hạch toán vào tài khoản chờ xử lý các khoản thu của cơ quan hải quan gửi cơ quan hải quan để bổ sung thông tin liên quan;

c2) Sau khi bổ sung thông tin phù hợp thì Kho bạc Nhà nước tiếp tục thực hiện các bước theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

d) Trường hợp người nộp thuế cung cấp bảng kê nộp thuế được lập trên công thông tin điện tử hải quan, Kho bạc Nhà nước nhập vào chương trình thu nộp thuế mã số định danh hồ sơ hoặc sử dụng máy quét thông tin mã vạch để lấy toàn bộ thông tin giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước và thực hiện các bước tiếp theo điểm a khoản này.

3. Sau khi nhận được thông tin hạch toán thu nộp tiền thuế do Kho bạc Nhà nước chuyển đến, Hệ thống điện tử tự động của cơ quan hải quan cập nhật, hạch toán kế toán thanh khoản nợ và số thu thuế, xác nhận hoàn thành nghĩa vụ về thuế và thông quan hàng hóa, tính tiền chậm nộp (nếu có) cho người nộp thuế theo quy định.

Trường hợp hệ thống không tự động thông quan do thông tin nộp tiền không phù hợp với thông tin phải nộp trong hệ thống kế toán tập trung, cơ quan hải quan xử lý theo khoản 3 Điều 24 thông tư này.

4. Trường hợp hệ thống đường truyền dữ liệu giữa Kho bạc Nhà nước và Cổng thanh toán điện tử hải quan có sự cố, các đơn vị thực hiện theo quy định tại Điều 24 Thông tư này.

Điều 21. Nộp tiền thuế tại cơ quan hải quan và thời hạn chuyển tiền từ tài khoản tiền gửi của cơ quan hải quan vào ngân sách nhà nước

1. Người nộp thuế xác định số tiền thuế phải nộp cho từng loại thuế, đến cơ quan hải quan nơi mở tờ khai để nộp tiền.

2. Cơ quan hải quan nơi mở tờ khai sử dụng biên lai thu tiền để thu tiền của người nộp thuế, hạch toán kế toán thanh khoản nợ thuế và số thu thuế, xác nhận hoàn thành nghĩa vụ về thuế và thông quan hàng hóa theo quy định.

Trình tự nhập thông tin, làm thủ tục thu tiền và xử lý các liên giấy nộp tiền thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính.

3. Cuối ngày hoặc chậm nhất vào đầu ngày làm việc tiếp theo, cơ quan hải quan đến Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng ủy nhiệm thu làm thủ tục nộp tiền đã thu của người nộp thuế vào tài khoản thu ngân sách nhà nước hoặc các tài khoản khác theo quy định tại Điều 3 Thông tư này.

Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ khi thu tiền thuế của người nộp thuế trong trường hợp thu tiền tại địa bàn đặc biệt khó khăn, xa điểm thu của ngân hàng ủy nhiệm thu hoặc Kho bạc Nhà nước, cơ quan hải quan phải chuyển vào tài khoản thu ngân sách nhà nước hoặc các tài khoản khác theo quy định tại Điều 3 Thông tư này.

4. Trường hợp thu hộ tiền thuế, Chi cục Hải quan nơi thu hộ cập nhật thông tin nộp tiền vào hệ thống kế toán tập trung. Chi cục Hải quan nơi doanh nghiệp nợ thuế kiểm tra thông tin đã nộp tiền xử lý theo quy định.

5. Thời hạn chuyển tiền từ tài khoản tiền gửi của cơ quan hải quan vào ngân sách nhà nước:

Đối với số tiền thuế đã nộp vào tài khoản tiền gửi của cơ quan hải quan tại Kho bạc Nhà nước, định kỳ hàng tháng sau khi khóa sổ kế toán, nếu quá 90 ngày kể từ ngày đã thực nộp thuế nhưng người nộp thuế chưa nộp hồ sơ đề nghị hoàn thuế, không thu thuế, cơ quan hải quan ban hành quyết định chuyển tiền vào ngân sách nhà nước theo quy định.

Điều 22. Trình tự thực hiện bảo lãnh thuế bằng phương thức điện tử

1. Quy định về hình thức, điều kiện, thủ tục bảo lãnh tiền thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thực hiện theo quy định tại Điều 43 Thông tư 38/2015/TT-BTC

ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính Quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.

2. Người nộp thuế thực hiện thủ tục phát hành bảo lãnh thuế điện tử với ngân hàng phối hợp thu theo quy định hiện hành của pháp luật và quy định của ngân hàng phát hành bảo lãnh.

Trường hợp người nộp thuế thực hiện bảo lãnh riêng khi chưa đăng ký chính thức tờ khai hải quan, người nộp thuế có thể thực hiện bảo lãnh thuế theo số hóa đơn hoặc số vận đơn.

3. Trường hợp chấp nhận phát hành bảo lãnh tiền thuế điện tử cho người nộp thuế, ngân hàng thực hiện:

a) Chuyển thông tin bảo lãnh tiền thuế điện tử theo đúng định dạng thống nhất qua Cổng thanh toán điện tử hải quan.

Trường hợp thông tin thư bảo lãnh thuế truyền không phù hợp định dạng, hệ thống từ chối cập nhật thông tin bảo lãnh thuế;

b) Cấp cho người nộp thuế bảng kê nội dung thông tin bảo lãnh đảm bảo đầy đủ, chính xác các chỉ tiêu thông tin được ghi trên Thư bảo lãnh thuế để người nộp thuế khai báo các chỉ tiêu thông tin liên quan đến bảo lãnh thuế trên hệ thống thông quan điện tử tự động;

c) Mã của ngân hàng sử dụng để cập nhật vào hệ thống KTTT và khai báo tại hệ thống thông quan điện tử: là mã nơi phát hành thư bảo lãnh thuộc bộ mã do Ngân hàng Nhà nước cấp.

4. Hệ thống điện tử tự động của hải quan kiểm tra thông tin bảo lãnh thuế điện tử do ngân hàng phối hợp thu chuyển qua Cổng thanh toán điện tử hải quan với thông tin thư bảo lãnh do người nộp thuế khai báo trên hệ thống, nếu thông tin phù hợp (về mã số thuế, số tờ khai hoặc số hóa đơn và/ hoặc số vận đơn, số hiệu và ký hiệu bảo lãnh thuế, mã ngân hàng phối hợp thu cấp thư bảo lãnh thuế), hệ thống thông quan điện tử của cơ quan hải quan tự động xác nhận thực hiện nghĩa vụ thuế bằng sử dụng bảo lãnh. Trường hợp thông tin không phù hợp, hệ thống không xác nhận thực hiện nghĩa vụ thuế bằng sử dụng bảo lãnh.

5. Trường hợp ngân hàng cấp thư bảo lãnh giấy: người nộp thuế nộp bản gốc thư bảo lãnh thuế cho cơ quan hải quan nơi mở tờ khai. Cơ quan hải quan nơi mở tờ khai căn cứ thông tin ghi trên thư bảo lãnh cập nhật vào hệ thống KTTT.

6. Ngân hàng phối hợp thu theo dõi tình hình sử dụng bảo lãnh thuế trên Cổng thanh toán điện tử hải quan.

7. Trường hợp ngân hàng phát hành bảo lãnh có văn bản đề nghị dừng sử dụng bảo lãnh chung (hủy ngang): khi nhận được văn bản đề nghị của ngân hàng phát hành bảo lãnh, cơ quan hải quan thực hiện dừng ngay việc sử dụng bảo lãnh chung đó trên Hệ thống; trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị dừng bảo lãnh, cơ quan hải quan thông báo cho ngân hàng đã tiếp nhận văn bản đề nghị và thời gian cơ quan hải quan dừng sử dụng bảo lãnh.

Cơ quan hải quan thông báo với ngân hàng chính thức chấp thuận dừng bảo lãnh chung sau khi tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt (nếu có) của các tờ khai đã sử dụng bảo lãnh chung đó được nộp đủ vào ngân sách nhà nước.

Điều 23. Trình tự thu nộp phí, lệ phí của cơ quan quản lý

1. Cơ quan quản lý cung cấp thông tin liên quan tiền phí, lệ phí, các khoản thu khác đến cổng thông tin một cửa quốc gia, gồm:

- a) Tên và mã số thuế người nộp tiền phí, lệ phí;
- b) Số và tên tài khoản nộp phí, lệ phí của cơ quan quản lý khoản phí, lệ phí;
- c) Tên và mã ngân hàng phối hợp thu hoặc tên Kho bạc Nhà nước giữ tài khoản tiền phí, lệ phí của cơ quan quản lý;
- d) Số và ngày hồ sơ;
- đ) Tên phí, lệ phí;
- e) Số tiền phí, lệ phí phải thu;
- g) Cơ quan quản lý phát hành số phải thu phí, lệ phí;
- h) Các thông tin liên quan khác khi kết nối, trao đổi với cổng thông tin một cửa quốc gia của cơ quan hải quan.

2. Hệ thống điện tử của cơ quan hải quan cập nhật, kết chuyển thông tin số phải thu phí, lệ phí, các khoản thu khác của cơ quan quản lý từ Cổng thông tin một cửa quốc gia sang Cổng thanh toán điện tử hải quan.

3. Người nộp thuế kê khai các thông tin liên quan đến số tiền phải nộp cho từng loại tiền ghi trên bảng kê nộp phí (mẫu số 02/BKNP) hoặc lập bảng kê nộp phí tại chương trình kê khai nộp tiền trên Cổng thông tin điện tử hải quan gửi chi nhánh, điểm giao dịch của ngân hàng để nộp tiền phí hoặc yêu cầu trích chuyển tiền nộp phí.

Trường hợp người nộp thuế sử dụng kênh giao dịch điện tử của ngân hàng thì đăng nhập vào chương trình thu nộp tiền phí của ngân hàng để kê khai thông tin liên quan số tiền phải nộp cho từng loại phí và gửi ngân hàng yêu cầu trích chuyển tiền nộp thuế.

Trường hợp tiền phí phải nộp vào tài khoản thu khác nhau, thì lập riêng bảng kê nộp phí tương ứng với từng tài khoản thu.

4. Căn cứ thông tin kê khai của người nộp thuế, ngân hàng hoặc Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm kiểm tra thông tin và thực hiện:

a) Trường hợp thông tin kê khai phù hợp với thông tin trên Cổng thanh toán điện tử hải quan, ngân hàng hoặc Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm:

a1) Trích tiền từ tài khoản hoặc thu tiền của người nộp thuế để chuyển ngay vào tài khoản tiền thu phí của cơ quan quản lý đặt tại Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng nơi giữ tài khoản;

a2) Đồng thời, Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng nơi giữ tài khoản truyền ngay dữ liệu thông tin thu phí đến Cổng thanh toán điện tử hải quan, và lập giấy nộp tiền thu phí;

b) Trường hợp thông tin người nộp thuế kê khai chưa phù hợp với thông tin trên Cổng thanh toán điện tử hải quan: chưa phù hợp các thông tin liên quan (trừ thông tin về số tiền), ngân hàng hoặc Kho bạc Nhà nước yêu cầu người nộp thuế làm rõ, sửa đổi, bổ sung thông tin phù hợp trước khi chuyển tiền;

c) Trường hợp kiểm tra thông tin người nộp thuế kê khai nhưng không có thông tin trong Cổng thanh toán điện tử hải quan, ngân hàng phối hợp thu hoặc Kho bạc Nhà nước phản hồi lại bộ phận hỗ trợ của Tổng cục Hải quan để được xử lý, nếu cơ quan



hải quan chưa xử lý, ngân hàng hoặc Kho bạc Nhà nước căn cứ thông tin kê khai của người nộp thuế để thực hiện:

- c1) Chuyển ngay vào tài khoản thu phí tại Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng;
- c2) Đồng thời truyền ngay dữ liệu thông tin thu phí đến Cổng thanh toán điện tử hải quan cho cơ quan hải quan;
- c3) Lập giấy nộp tiền vào tài khoản thu phí chuyển người nộp thuế;
- d) Trường hợp người nộp thuế cung cấp bảng kê nộp phí được lập trên công thông tin điện tử hải quan, ngân hàng hoặc Kho bạc Nhà nước nhập vào chương trình thu nộp mã số định danh hồ sơ hoặc sử dụng máy quét thông tin mã vạch để lấy toàn bộ thông tin giấy nộp tiền vào tài khoản thu phí và thực hiện các bước tiếp theo điểm a khoản này.

5. Sau khi nhận được thông tin nộp tiền do ngân hàng hoặc Kho bạc Nhà nước gửi qua Cổng thanh toán điện tử hải quan, cơ quan hải quan thực hiện:

- a) Trường hợp thông tin nộp tiền phí phù hợp với thông tin trên Cổng thanh toán điện tử hải quan, hệ thống của cơ quan hải quan cập nhật thông tin thu phí, trừ nợ và thông quan hàng hóa cho người nộp thuế theo quy định;
- b) Trường hợp thông tin nộp tiền phí không phù hợp với thông tin trên Cổng thanh toán điện tử hải quan (sai các thông tin liên quan trên thông điệp chuyển tiền), thông báo mã lỗi cho ngân hàng hoặc Kho bạc Nhà nước nơi chuyển tiền và từ chối cập nhật thông tin nộp tiền vào hệ thống tác nghiệp của hải quan. Sau khi ngân hàng đã chỉnh sửa phù hợp tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo như quy định tại điểm a khoản 5 Điều này;
- c) Sau khi nhận được thông tin chuyển tiền nộp phí, chuyển đến, ngân hàng phối hợp thu, Kho bạc Nhà nước thực hiện hạch toán kế toán số tiền phát sinh vào tài khoản thu nộp tiền phí, theo quy định.

6. Trường hợp hệ thống đường truyền dữ liệu giữa ngân hàng phối hợp thu, Kho bạc Nhà nước và Cổng thanh toán điện tử hải quan có sự cố, các đơn vị xử lý theo quy định tại Điều 24 Thông tư này.

Đồng thời truyền toàn bộ thông tin số tiền đã nộp từ Cổng thanh toán điện tử hải quan sang Cổng thông tin một cửa quốc gia.

7. Trường hợp người nộp thuế nộp phí qua ngân hàng chưa phối hợp thu: sau khi thu tiền ngân hàng chuyển toàn bộ thông tin và tiền đến ngân hàng phối hợp thu hoặc Kho bạc Nhà nước nơi giữ tài khoản để chuyển tiếp thông tin nộp tiền sang Cổng thanh toán điện tử hải quan.

Điều 24. Xử lý thông tin khi hệ thống của cơ quan hải quan, Kho bạc Nhà nước, ngân hàng phối hợp thu gặp sự cố

1. Cơ quan hải quan, Kho bạc Nhà nước, ngân hàng phối hợp thu phải đăng ký Email nội bộ để thông báo các thông tin liên quan đến thu nộp ngân sách.

2. Khi hệ thống gặp sự cố, các bên liên quan có trách nhiệm tìm nguyên nhân xảy ra sự cố, trong vòng 01 (một) giờ làm việc thông báo nội bộ và người nộp thuế để thống nhất xử lý.

3. Căn cứ chứng từ nộp tiền do người nộp thuế cung cấp và thông tin do ngân hàng, Kho bạc Nhà nước cung cấp, cơ quan hải quan quyết định xác nhận hoàn thành

nghĩa vụ thuế.

4. Sau khi khắc phục sự cố đường truyền, ngân hàng phối hợp thu, Kho bạc Nhà nước truyền lại toàn bộ thông tin thu đã cấp giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước cho người nộp thuế sang Cổng thanh toán điện tử hải quan theo quy định.

5. Khi nhận lại thông tin nộp tiền qua Cổng thanh toán điện tử hải quan, cơ quan hải quan thực hiện hạch toán trừ nợ, tính tiền chậm nộp (nếu có) cho người nộp thuế.

Điều 25. Đối chiếu số liệu và xử lý sai sót trong đối chiếu giữa cơ quan hải quan với ngân hàng phối hợp thu

1. Nội dung đối chiếu:

a) Đối chiếu chi tiết thông tin giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước, giấy nộp tiền vào tài khoản thu phí với đầy đủ các chỉ tiêu thông tin trên thông điệp nộp tiền;

b) Đối chiếu tổng số giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước, giấy nộp tiền thu phí, tổng số tiền theo mục lục ngân sách hoặc loại phí: chi tiết theo cơ quan hải quan, Kho bạc Nhà nước địa phương, hoặc chi tiết theo cơ quan quản lý; bảng kê đối chiếu;

c) Đối chiếu chi tiết thông tin bảo lãnh thuế (bao gồm các thông tin của thông điệp bảo lãnh riêng và bảo lãnh chung) với đầy đủ các chỉ tiêu ghi trên thư bảo lãnh thuế được quy định tại Thông tư 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính;

d) Đối chiếu tổng số các loại bảo lãnh thuế, tổng số tiền, chi tiết theo cơ quan hải quan;

đ) Bảng kê thông tin đối chiếu thực hiện theo mẫu số 02/BKĐCNS-NH (đối với tiền thuế) hoặc mẫu số 03/BKĐCPHI (đối với tiền phí) ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Phạm vi đối chiếu: Tổng cục Hải quan và Hội sở ngân hàng phối hợp thu thực hiện đối chiếu toàn bộ thông tin, trao đổi thông tin qua Cổng thanh toán điện tử hải quan với hệ thống của ngân hàng.

Toàn bộ thông tin giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước, giấy nộp tiền vào tài khoản tiền gửi chuyên dùng thu phí, lệ phí và các khoản thu khác, thông tin bảo lãnh thuế phát sinh từ 16 giờ 00 phút ngày làm việc liền trước đến 16 giờ 00 phút của ngày làm việc tính theo giờ của Cổng thanh toán điện tử hải quan.

3. Phương thức đối chiếu: cơ quan hải quan và ngân hàng phối hợp thu thực hiện đối chiếu, trao đổi thông tin bằng phương thức điện tử qua Cổng thanh toán điện tử hải quan. Trường hợp có phát sinh chênh lệch, hai bên phối hợp để xử lý.

4. Thời điểm thực hiện đối chiếu:

Đối chiếu hàng ngày: được thực hiện sau 16 giờ 00 của ngày đối chiếu. Nội dung đối chiếu theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Trường hợp ngày đối chiếu vào ngày nghỉ, ngày lễ, hệ thống các bên tự động xử lý, nếu có chênh lệch thì phải xử lý vào ngày làm việc tiếp theo.

Riêng ngày cuối năm phải đối chiếu toàn bộ thông tin giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước phát sinh đến 24 giờ 00 phút của ngày làm việc tính theo giờ của Cổng thanh toán điện tử hải quan.

5. Xử lý kết quả thông tin đối chiếu:

a) Trường hợp thông tin đối chiếu khớp đúng: cơ quan hải quan xác nhận với ngân hàng phối hợp thu qua Cổng thanh toán điện tử hải quan;

b) Trường hợp thông tin đối chiếu chưa khớp đúng: hai bên phải rà soát, phối hợp xác định nguyên nhân và xử lý đến khi khớp đúng;

c) Trường hợp không nhận được thông tin giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước do Kho bạc Nhà nước chuyển đến, trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, cơ quan hải quan:

c1) Thông báo cho ngân hàng phối hợp thu về việc không nhận được thông tin giấy nộp tiền từ Kho bạc Nhà nước;

c2) Ngân hàng phối hợp thu có trách nhiệm làm rõ nguyên nhân chưa chuyển thông tin thu sang Kho bạc Nhà nước, giải trình với cơ quan hải quan về việc chưa chuyển thông tin thu sang Kho bạc Nhà nước, thực hiện nộp tiền thuế và tiền chậm nộp (nếu phát sinh lỗi do nguyên nhân chủ quan của ngân hàng) trên số tiền chậm chuyển theo đúng quy định của pháp luật, khắc phục hậu quả vi phạm do mình gây ra.

6. Xử lý đối chiếu thông tin nộp tiền giữa số tiền ngân hàng đã chuyển qua Cổng thanh toán hải quan với bảng kê chứng từ nộp ngân sách của Kho bạc Nhà nước:

a) Hàng ngày Cục Hải quan, Chi cục Hải quan phân công công chức phòng Nghiệp vụ, đội tổng hợp kiểm tra các chức năng tra cứu của cổng thanh toán trên hệ thống KTTT, rà soát các khoản thu của ngân hàng phối hợp thu đã truyền qua Cổng thanh toán điện tử hải quan, được hạch toán thanh khoản nợ đối chiếu với bảng kê thông tin giấy nộp tiền do Kho bạc Nhà nước chuyển để xác định các khoản tiền do ngân hàng phối hợp thu chậm chuyển; thông báo cho ngân hàng về những chứng từ không nhận được thông tin giấy nộp tiền từ Kho bạc Nhà nước.

Phối hợp với các đầu mối của ngân hàng phối hợp thu kiểm tra giấy nộp tiền do doanh nghiệp xuất trình khi hệ thống các bên gặp sự cố;

b) Các Chi nhánh của ngân hàng phối hợp thu nơi chuyển tiền có trách nhiệm phối hợp với các Cục, Chi cục Hải quan liên quan xử lý chuyển chậm tiền vào ngân sách nhà nước;

c) Các ngân hàng vi phạm thời gian chuyển tiền theo quy định, cơ quan hải quan đã có văn bản nhắc nhở nhưng không khắc phục thì Tổng cục Hải quan chính thức thông báo dừng việc phối hợp thu và xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Đối chiếu số liệu và xử lý sai sót giữa cơ quan hải quan với Kho bạc Nhà nước

1. Nội dung đối chiếu:

a) Đối chiếu chi tiết thông tin giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước với bảng kê chứng từ nộp ngân sách do Kho bạc Nhà nước truyền sang đảm bảo đầy đủ các chỉ tiêu trên giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước;

b) Đối chiếu tổng số giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước, tổng số tiền theo mục lục ngân sách: chi tiết theo cơ quan hải quan, Kho bạc Nhà nước địa phương với bảng kê chứng từ nộp ngân sách do Kho bạc Nhà nước truyền sang.

2. Thời điểm thực hiện đối chiếu:

a) Hàng ngày làm việc, sau khi nhận được bảng kê chứng từ nộp ngân sách (Mẫu số: 04/BK-CTNNS ban hành kèm theo Thông tư này) do Kho bạc Nhà nước gửi

đến, trong vòng 01(một) ngày cơ quan hải quan thực hiện đối chiếu các thông tin thu nộp tiền thuế đã nhận trong ngày từ các ngân hàng và Kho bạc Nhà nước với bảng kê chứng từ nộp ngân sách (Mẫu số: 04/BK-CTNNS);

b) Trường hợp đối chiếu có sai sót, trong vòng 03 (ba) ngày làm việc:

b1) Cơ quan hải quan thông báo cho Kho bạc Nhà nước Danh sách giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước không nhận được thông tin từ Kho bạc Nhà nước qua Cổng thanh toán điện tử hải quan;

b2) Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm làm rõ nguyên nhân và phối hợp với cơ quan hải quan, ngân hàng phối hợp thu để xử lý.

Điều 27. Thực hiện tra soát, điều chỉnh thông tin hạch toán thu nộp tiền thuế và xử lý sai sót trong đối chiếu giữa các bên liên quan

1. Nguyên tắc xử lý sai sót

a) Sai sót phát sinh tại đơn vị nào, đơn vị đó phải chịu trách nhiệm và chủ động xác định nguyên nhân sai sót, khắc phục hậu quả, đồng thời gửi thư tra soát hoặc thông báo đến các đơn vị liên quan để phối hợp, xử lý theo quy định;

b) Các khoản chuyển tiền thừa, tiền thiếu được xử lý theo quy định về sai sót phát sinh trong quá trình hạch toán.

Các trường hợp chuyển thừa tiền và đề nghị hoàn trả phải đảm bảo không ảnh hưởng đến tờ khai được cơ quan hải quan đã hạch toán trừ nợ, xác nhận hoàn thành nghĩa vụ về thuế và thông quan hàng hóa;

c) Trong mọi trường hợp điều chỉnh, khi chứng từ thu nộp tiền thuế đã được Kho bạc Nhà nước truyền sang cơ quan thu, thì các chứng từ điều chỉnh hoặc trả lại chứng từ có liên quan đều phải truyền cho cơ quan thu để theo dõi, tránh việc lợi dụng, thất thoát nguồn thu ngân sách;

d) Trường hợp ngân hàng sai sót chuyển thừa tiền so với yêu cầu của người nộp thuế và cơ quan hải quan đã sử dụng thông tin nộp tiền để hạch toán, trừ nợ, xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế và thông quan hàng hóa. Ngân hàng có trách nhiệm thông báo (bằng văn bản) tới cơ quan hải quan và đồng gửi Kho bạc Nhà nước về việc chuyển thừa. Căn cứ ý kiến của cơ quan hải quan, Kho bạc Nhà nước phối hợp xử lý;

đ) Các ngân hàng, chi nhánh ngân hàng phối hợp thu nơi chuyển tiền phát sinh sai sót, chậm chuyển tiền vào ngân sách nhà nước, ngân hàng phải chịu trách nhiệm và chủ động xác định nguyên nhân sai sót, khắc phục hậu quả với ngân sách, đồng thời gửi thư tra soát hoặc thông báo đến cơ quan hải quan, ngân hàng ủy nhiệm thu, Kho bạc Nhà nước để phối hợp, xử lý;

e. Trường hợp thông tin bảo lãnh điện tử có sai sót phải điều chỉnh, ngân hàng phải gửi thông tin hủy bảo lãnh và phát hành thư bảo lãnh điện tử mới thay thế thư bảo lãnh đã hủy.

Thư bảo lãnh mới phải đảm bảo đầy đủ nội dung theo quy định, đồng thời hiệu lực thực hiện phải bao trùm hiệu lực của thư bảo lãnh đề nghị hủy, số tiền phải bằng hoặc lớn hơn số tiền thuế đã thực hiện bảo lãnh.

2. Trách nhiệm của người nộp thuế:

a) Khi người nộp thuế phát hiện thông tin kê khai trên chứng từ nộp thuế có sai sót, người nộp thuế có văn bản đề nghị điều chỉnh gửi cơ quan hải quan; cơ quan hải

quan có trách nhiệm kiểm tra, lập giấy đề nghị điều chỉnh thu ngân sách gửi Kho bạc Nhà nước làm căn cứ hạch toán điều chỉnh;

b) Trường hợp người nộp thuế kê khai không chính xác về tờ khai, năm đăng ký (nhưng không thay đổi mục lục ngân sách nhà nước hoặc cơ quan hải quan) thì lập giấy đề nghị điều chỉnh theo mẫu C1-07 của Bộ Tài chính gửi cơ quan hải quan kiểm tra, xử lý tại hệ thống KTTT;

c) Trường hợp ngân hàng chuyển thừa tiền so với yêu cầu của người nộp thuế và cơ quan hải quan đã sử dụng thông tin nộp tiền để hạch toán, trừ nợ, xác nhận hoàn thành nghĩa vụ về thuế và thông quan hàng hóa, trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản của người nộp thuế đề nghị cơ quan hải quan nơi mở tờ khai có xác nhận số tiền đã cập nhật vào hệ thống gửi Kho bạc Nhà nước; nguyên tắc thực hiện hoàn trả theo hướng dẫn tại điểm d khoản 1 Điều này.

3. Trách nhiệm của ngân hàng chưa phối hợp thu:

Ngân hàng chưa phối hợp thu đã chuyển tiền và thông tin nộp ngân sách nhà nước sang ngân hàng ủy nhiệm thu hoặc Kho bạc Nhà nước, nếu phát hiện ra sai sót thì phối hợp với đơn vị nhận tiền để thực hiện tra soát và điều chỉnh sai sót.

4. Trách nhiệm của ngân hàng phối hợp thu:

a) Ngân hàng phối hợp thu đã chuyển tiền và thông tin nộp ngân sách nhà nước sang ngân hàng ủy nhiệm thu, nếu phát hiện sai sót thì lập thư tra soát gửi ngân hàng ủy nhiệm thu để thực hiện tra soát và điều chỉnh sai sót;

b) Trường hợp ngân hàng đã chuyển tiền và chuyển thông tin nộp ngân sách nhà nước sang ngân hàng ủy nhiệm thu, đồng thời chuyển thông tin nộp tiền sang Cổng thanh toán hải quan và được hạch toán, trừ nợ, xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế, nếu phát hiện ra sai sót thì ngân hàng lập thư tra soát gửi cơ quan hải quan nơi mở tờ khai xác nhận thông tin thu ngân sách, đồng thời gửi ngân hàng ủy nhiệm thu để thực hiện tra soát và điều chỉnh sai sót đảm bảo không ảnh hưởng đến xử lý nợ của lô hàng đã được thông quan;

c) Xử lý sai sót trong trường hợp ngân hàng chuyển thừa tiền so với yêu cầu của người nộp thuế:

c1) Ngân hàng có văn bản đề nghị xác nhận khoản tiền chuyển thừa gửi Kho bạc Nhà nước và cơ quan hải quan nơi mở tờ khai;

c2) Nguyên tắc thực hiện hoàn trả theo hướng dẫn tại điểm d khoản 1 Điều này.

5. Trách nhiệm của ngân hàng ủy nhiệm thu:

a) Trường hợp đã chuyển tiền và thông tin nộp ngân sách nhà nước sang Kho bạc Nhà nước, nếu ngân hàng phát hiện ra sai sót thì lập thư tra soát gửi Kho bạc Nhà nước để thực hiện tra soát và điều chỉnh sai sót;

b) Khi nhận được thư tra soát của ngân hàng phối hợp thu và ngân hàng chưa phối hợp thu, ngân hàng ủy nhiệm thu thực hiện tra soát và điều chỉnh sai sót trong thanh toán; đồng thời gửi thông tin đã điều chỉnh cho Kho bạc Nhà nước để điều chỉnh sai sót;

c) Trường hợp ngân hàng ủy nhiệm thu chuyển tiền, đồng thời chuyển thông tin nộp tiền sang Cổng thanh toán hải quan và được hạch toán, trừ nợ, xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế, nếu phát hiện ra sai sót thì lập thư tra soát gửi cơ quan hải quan nơi mở tờ khai xác nhận thông tin thu ngân sách, đồng thời gửi Kho bạc Nhà nước

để thực hiện tra soát và điều chỉnh sai sót, đảm bảo không ảnh hưởng đến xử lý nợ của lô hàng đã được thông quan;

d) Trường hợp ngân hàng sai sót chuyển thừa tiền so với yêu cầu của người nộp thuế, ngân hàng có văn bản gửi cơ quan hải quan nơi mở tờ khai và Kho bạc Nhà nước đề nghị xác nhận khoản tiền đã chuyển thừa; trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản ngân hàng đề nghị, cơ quan hải quan nơi mở tờ khai xác nhận số tiền đã cập nhật vào hệ thống gửi Kho bạc Nhà nước. Trên cơ sở xác nhận và đề nghị hoàn trả của cơ quan hải quan nơi mở tờ khai, Kho bạc Nhà nước thực hiện tra soát, hoàn trả cho ngân hàng các khoản đã chuyển thừa thanh toán với ngân sách nhà nước theo hướng dẫn tại điểm d khoản 1 Điều này.

6. Trách nhiệm của cơ quan hải quan:

a) Khi cơ quan hải quan phát hiện sai sót từ thông tin của Kho bạc Nhà nước chuyển đến, nếu thông tin được Kho bạc Nhà nước hạch toán, cơ quan hải quan nơi mở tờ khai đã hạch toán, trừ nợ, xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế, thông quan hàng hóa hoặc đã hạch toán thu nộp tiền thuế thì cơ quan hải quan lập giấy đề nghị điều chỉnh gửi Kho bạc Nhà nước và cơ quan thuế nơi người nộp thuế đặt trụ sở (nếu khoản thuế sai sót là thuế giá trị gia tăng) để điều chỉnh các thông tin hạch toán thu nộp tiền thuế.

Trường hợp nhận bảng kê chứng từ nộp ngân sách từ Kho bạc Nhà nước nhưng sai cơ quan thu, sai Kho bạc Nhà nước nơi giữ tài khoản, cơ quan hải quan nơi nhận bảng kê chứng từ nộp ngân sách thực hiện tra soát, có văn bản gửi Kho bạc Nhà nước đề nghị điều chỉnh chứng từ thu về đúng cơ quan thu, đúng Kho bạc Nhà nước nơi giữ tài khoản;

b) Căn cứ thư tra soát đối với tài khoản chờ xử lý của cơ quan hải quan tại Kho bạc Nhà nước, cơ quan hải quan xác định, bổ sung thông tin hạch toán thu nộp tiền thuế vào thư tra soát và gửi Kho bạc Nhà nước để điều chỉnh các thông tin hạch toán thu nộp tiền thuế;

c) Trong trường hợp ngân hàng sai sót chuyển thừa tiền so với yêu cầu của người nộp thuế, thì xử lý:

c1) Sau khi nhận được văn bản của ngân hàng đề nghị xác nhận khoản tiền đã nộp thừa, chậm nhất trong vòng 02 (hai) ngày làm việc, cơ quan hải quan có văn bản trả lời ngân hàng số tiền đã nhận và gửi Kho bạc Nhà nước để thực hiện hoàn trả;

c2) Trên cơ sở xác nhận của cơ quan hải quan nơi mở tờ khai, ngân hàng đến Kho bạc Nhà nước để thực hiện tra soát, hoàn trả.

7. Trách nhiệm của Kho bạc Nhà nước:

a) Khi đã hạch toán thu nộp tiền thuế và chuyển thông tin thu nộp tiền thuế sang cơ quan hải quan, nếu phát hiện sai sót thì Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm điều chỉnh thông tin và gửi thông báo sang cơ quan hải quan để cơ quan thu điều chỉnh thông tin quản lý đảm bảo không ảnh hưởng đến xử lý nợ của lô hàng đã được thông quan;

b) Khi nhận được đề nghị tra soát từ các cơ quan liên quan (cơ quan hải quan, ngân hàng uỷ nhiệm thu, ngân hàng phối hợp thu, ngân hàng chưa phối hợp thu), trong vòng 02 (hai) ngày làm việc Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm rà soát và thông báo với cơ quan hải quan để điều chỉnh thông tin thu nộp tiền thuế;

c) Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm lập thư tra soát đối với các khoản thu đã

hạch toán vào tài khoản chờ xử lý của cơ quan hải quan để cơ quan hải quan bổ sung thông tin hạch toán thu nộp tiền thuế;

d) Xử lý sai sót trong trường hợp ngân hàng chuyển thừa tiền so với yêu cầu của người nộp thuế:

d1) Trường hợp cơ quan hải quan nơi mở tờ khai đã sử dụng thông tin nộp tiền để thông quan hàng hóa, ngân hàng yêu cầu người nộp thuế có trách nhiệm hoàn trả số tiền chuyển thừa;

d2) Trường hợp cơ quan hải quan chưa sử dụng thông tin nộp tiền để thông quan hàng hóa: căn cứ văn bản xác nhận của cơ quan hải quan nơi mở tờ khai và tra soát của ngân hàng ủy nhiệm thu, trong vòng 02 (hai) ngày làm việc Kho bạc Nhà nước thực hiện hoàn trả theo quy định.

8. Trường hợp hệ thống của các bên đáp ứng tra soát bằng phương thức điện tử, ngân hàng phối hợp thu chuyển thừa tiền so với yêu cầu của người nộp thuế, các đơn vị liên quan thực hiện:

a) Ngân hàng phối hợp thu gửi đề nghị tra soát qua Cổng thanh toán điện tử hải quan;

b) Tổng cục Hải quan thực hiện lệnh tra soát, trả lời ngân hàng phối hợp thu và gửi Kho bạc Nhà nước;

c) Kho bạc Nhà nước căn cứ đề nghị của ngân hàng và kết quả tra soát do Tổng cục Hải quan gửi qua Cổng thanh toán điện tử hải quan thực hiện hoàn trả theo quy định.

Điều 28. Thực hiện tra soát, điều chỉnh thông tin và xử lý sai sót bảo lãnh tiền thuế điện tử trong đối chiếu giữa các bên liên quan

1. Nguyên tắc xử lý sai sót:

Nguyên tắc xử lý thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Thông tư này.

2. Trách nhiệm của người nộp thuế:

Khi phát hiện thông tin bảo lãnh sai sót do ngân hàng phối hợp thu cấp, thì:

a) Đề nghị với cơ quan hải quan kiểm tra lại thông tin bảo lãnh do ngân hàng đã chuyển cho cơ quan hải quan;

b) Thông báo với ngân hàng nơi phát hành bảo lãnh về sai lệch thông tin bảo lãnh, đề nghị ngân hàng sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng kê thông tin bảo lãnh.

3. Trách nhiệm của ngân hàng phối hợp thu:

Ngân hàng có trách nhiệm kiểm tra lại thông tin bảo lãnh đã phát hành hoặc do cơ quan hải quan hoặc người nộp thuế thông báo phát hiện có sai sót và thực hiện:

a) Trường hợp sai sót giữa thông tin thư bảo lãnh đã cung cấp cho người nộp thuế với thông tin bảo lãnh gửi sang hải quan, thì cung cấp lại chính xác thông tin thư bảo lãnh gửi người nộp thuế để khai báo;

b) Trường hợp sai sót về nội dung thư bảo lãnh đã phát hành thì đề nghị gửi thông điệp hủy thư bảo lãnh và phát hành thay thế một thư bảo lãnh mới đảm bảo theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 27 Thông tư này.

4. Trách nhiệm của cơ quan hải quan:

a) Trường hợp người nộp thuế phát hiện sai sót thông tin bảo lãnh do ngân hàng

phối hợp thu cấp, công chức hải quan nơi mở tờ khai hỗ trợ người nộp thuế kiểm tra, xác định các thông tin bảo lãnh sai lệch;

b) Kiểm tra thông điệp đề nghị hủy bảo lãnh, trường hợp chấp nhận hủy bảo lãnh điện tử thì thực hiện hủy bảo lãnh và tiếp nhận bảo lãnh mới đảm bảo theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 27 Thông tư này.

Điều 29. Trình tự đối chiếu và xử lý sai sót (nếu có) khi thu nộp phí, lệ phí của cơ quan quản lý

1. Định kỳ hàng ngày, cơ quan hải quan thực hiện đối chiếu các giao dịch thành công, giao dịch hủy với ngân hàng phối hợp thu.

2. Trên cơ sở kết quả đối chiếu các giao dịch thu nộp phí, lệ phí với ngân hàng phối hợp thu hoặc Kho bạc Nhà nước, cơ quan hải quan lập bảng kê giao dịch thành công và chuyển cho các cơ quan quản lý qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

3. Căn cứ bảng kê giao dịch phát sinh do cơ quan hải quan cấp và sao kê tài khoản phí, lệ phí của ngân hàng phối hợp thu hoặc Kho bạc Nhà nước nơi giữ tài khoản, cơ quan quản lý kiểm tra, phát hiện sai sót.

4. Trường hợp có sai sót, cơ quan quản lý thông báo đến cơ quan hải quan để cơ quan hải quan phối hợp đơn vị liên quan rà soát, xử lý.

Trong vòng 03 (ba) ngày làm việc cơ quan hải quan có trách nhiệm thông báo lại các bên liên quan về nguyên nhân sai sót để phối hợp, điều chỉnh.

CHƯƠNG III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 30. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2016.

2. Các quy định tại thông tư này thay thế Thông tư 126/2014/TT-BTC ngày 28/8/2014 của Bộ Tài chính quy định một số thủ tục về kê khai, thu nộp thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt và các khoản thu khác đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; các quy định về địa điểm, hình thức nộp thuế, kê khai nộp thuế, chuyển tiền, chuyển thông tin, đối chiếu số liệu và xử lý sai sót đối chiếu số liệu đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu quy định tại Thông tư 128/2008/TT-BTC ngày 24/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thu và quản lý các khoản thu ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước; Điều 16 Thông tư 85/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn quy trình tổ chức phối hợp thu ngân sách nhà nước giữa Kho bạc Nhà nước - Tổng cục Thuế - Tổng cục Hải quan và các ngân hàng.

Điều 31. Triển khai thực hiện

1. Giao Tổng cục Trưởng Tổng cục Hải quan căn cứ tình hình thực tế, khả năng hạ tầng kỹ thuật để quy định chuẩn dữ liệu trao đổi thông tin về thu nộp tiền thuế, bảo lãnh tiền thuế, tiền phí, lệ phí, các khoản thu khác của cơ quan quản lý với các ngân hàng và ký thỏa thuận phối hợp thu nộp tiền thuế, bảo lãnh tiền thuế bằng phương thức điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, tiền phí, lệ phí, các khoản thu khác của cơ quan quản lý giữa Tổng cục Hải quan với các ngân hàng.

2. Giao Tổng cục Trưởng Tổng cục Hải quan ký bổ sung Phụ lục Thỏa thuận phối hợp thu đối với các trường hợp ngân hàng đã ký thỏa thuận phối hợp thu với Tổng cục Hải quan.

3. Quá trình thực hiện có phát sinh vướng mắc, tổ chức và cá nhân phản ánh cụ thể về Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) để được hướng dẫn giải quyết. *th*

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước; Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, thuộc CP, Ngân hàng;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Văn phòng Ban chỉ đạo Trung ương về phòng, chống TN;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước, Cục Thuế, CHQ các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc BTC; Website Bộ Tài chính;
- Lưu VT, TCHQ (45tb).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Bộ Hoàng Anh Tuấn

www.LuatVietnam.vn

Thông tin mã vạch

Số định danh

BẢNG KÊ NỘP THUẾ

Tiền mặt ☐

Chuyển khoản ☐

Loại tiền: VNĐ ☐

USD ☐

khác⁽⁴⁾:

Mẫu số : 01/BKNT

(Theo Thông tư số 184/2015/TT-BTC
ngày 17/11/2015 của Bộ Tài chính)

Mã hiệu:

Số:

Người nộp thuế: Mã số thuế:

Địa chỉ:

..... Quận/Huyện: Tỉnh, TP:

Người nộp thay:

Địa chỉ:

..... Quận/Huyện: Tỉnh, TP:

Đề nghị NH (KBNN): trích TK số: hoặc thu tiền mặt để

nộp NSNN theo: TK thu NSNN ☐ TK tạm thu ☐ TK thu hồi quỹ hoàn thuế GTGT ☐

vào tài khoản của KBNN: Tỉnh, TP:

Mở tại NH ủy nhiệm thu:

Nộp theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền: Kiểm toán nhà nước ☐ Thanh tra tài chính ☐

Thanh tra Chính Phủ ☐ Cơ quan có thẩm quyền khác ☐

Tên cơ quan quản lý thu:

STT	Số tờ khai / Số quyết định ⁽³⁾ / Số thông báo ⁽³⁾	Kỳ thuế/Ngày tờ khai ⁽¹⁾	Nội dung khoản nộp NSNN	Số tiền
			Tổng số tiền	

Tổng số tiền ghi bằng chữ:

NGƯỜI NỘP TIỀN
Ngày... tháng... năm...
Người nộp tiền Kế toán trưởng⁽²⁾ Thủ trưởng đơn vị⁽²⁾

KBNN (NGÂN HÀNG)
Ngày... tháng... năm...
Người nhận tiền
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

1. Lưu ý

- * Chỉ tiêu (1): Dùng trong trường hợp nộp thuế cho cơ quan hải quan.
 - * Chỉ tiêu (2): Dùng trong trường hợp các tổ chức nộp tiền bằng chuyển khoản.
 - * Chỉ tiêu (3): "Số quyết định", "số thông báo" đối với trường hợp nộp theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền.
 - * Chỉ tiêu (4): Loại tiền "khác": NNT tự điền tên loại tiền ngoại tệ đối với trường hợp không phải là USD.
2. "Số định danh", "Thông tin mã vạch" của Bảng kê nộp phí, lệ phí (trong trường hợp người nộp thuế lập trên Cổng thông tin điện tử Hải quan).

Thông tin mã vạch

Số định danh

Mẫu số: 02/BKNP

(Theo Thông tư số 184/2015/TT-BTC

ngày 17/11/2015 của Bộ Tài chính

Mã hiệu:

Số:

BẢNG KÊ NỘP PHÍ

Tiền mặt ☐

Chuyển khoản ☐

Loại tiền: VNĐ ☐

USD ☐

khác⁽³⁾:

Người nộp thuế :

Mã số thuế :

Địa chỉ :

Huyện Tỉnh, TP

Người nộp thay:

Địa chỉ :

Huyện Tỉnh, TP

Đề nghị KBNN /NHtrích TK số..... hoặc thu tiền mặt để:

Nộp vào TK số của tại NH :

Hoặc tại KBNN: Tỉnh, Tp : Mở tại NH ủy nhiệm thu :

STT	Số hồ sơ	Ngày hồ sơ	Tên phí, lệ phí ⁽¹⁾	Số tiền
			Tổng cộng	

Tổng số tiền ghi bằng chữ:

.....

NGƯỜI NỘP TIỀN

Ngày... tháng... năm...

Người nộp tiền

Kế toán trưởng⁽²⁾

Thủ trưởng đơn vị⁽²⁾

KBNN (NGÂN HÀNG)

Ngày.....tháng.....năm.....

Người nhận tiền

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

1. Lưu ý

- * Chỉ tiêu (1): Nội dung các khoản nộp phí, lệ phí của các Bộ, ngành
- * Chỉ tiêu (2): Dùng trong trường hợp các tổ chức nộp tiền bằng chuyển khoản.
- * Chỉ tiêu (3): Loại tiền "khác" NNT tự điền tên loại tiền ngoại tệ đối với trường hợp không phải là USD.

2. Số định danh, Thông tin mã vạch của Bảng kê nộp phí, lệ phí (trong trường hợp người nộp thuế lập trên Cổng thông tin điện tử Hải quan)

Không ghi vào
khu vực này

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tiền mặt ☐ Chuyển khoản ☐
Loại tiền: VNĐ ☐ USD ☐ khác⁽⁴⁾

Mẫu số : C1-02/NS
(Theo Thông tư số 184/2015/TT-BTC
ngày 17/11/2015 của Bộ Tài chính)

Mã hiệu:
Số:
Số tham chiếu ⁽¹⁾

Người nộp thuế: Mã số thuế:

Địa chỉ:

..... Quận/Huyện: Tỉnh, TP:

Người nộp thay:

Địa chỉ:

..... Quận/Huyện: Tỉnh, TP:

Đề nghị NH (KBNN): trích TK số: hoặc thu tiền mặt để

nộp vào: TK thu NSNN ☐ TK tạm thu ☐ TK thu hồi quỹ hoàn thuế GTGT ☐

tại KBN..... Tỉnh, tp:.....

Mở tại NH ủy nhiệm thu :

Nộp theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền: Kiểm toán nhà nước ☐ Thanh tra tài chính ☐

Thanh tra Chính Phủ ☐ Cơ quan có thẩm quyền khác ☐

Tên cơ quan quản lý thu:

STT	Phần dành cho NNT ghi				Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/ NH phối hợp thu/ KBNN ghi	
	Số tờ khai / Số quyết định ⁽³⁾ / Số thông báo ⁽³⁾	Kỳ thuế/Ngày tờ khai	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số tiền	Mã tiểu mục	Mã chương
			Tổng cộng			

Tổng số tiền ghi bằng chữ:

PHẦN DÀNH CHO KBNN GHI KHI HẠCH TOÁN:

Mã CQ thu: Nợ TK:

Mã ĐBHC: Có TK:

Mã nguồn NSNN:

NGƯỜI NỘP TIỀN

Ngày... tháng... năm...

Người nộp tiền Kế toán trưởng⁽²⁾ Thủ trưởng đơn vị⁽²⁾

KBNN (NGÂN HÀNG)

Ngày.....tháng.....năm.....

Thủ quỹ Kế toán Kế toán trưởng/Trưởng phòng kế toán

Ghi chú:

- (1) Trường hợp NNT in GNT từ Cổng thông tin điện tử Hải quan (sử dụng để nộp tiền tại ngân hàng chưa phối hợp thu), hệ thống tự động điền số tham chiếu để phục vụ công tác quản lý.
- (2) Dùng trong trường hợp các tổ chức nộp tiền bằng chuyển khoản.
- (3) "Số quyết định", "số thông báo" đối với trường hợp nộp theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền.
- (4) Loại tiền "khác": NNT tự điền tên loại tiền ngoại tệ đối với trường hợp không phải là USD.
- Trường hợp nộp thuế điện tử: Người nộp tiền, Tổ chức T-VAN (nếu có), Tổng cục Thuế (nếu có), Ngân hàng (KBNN) thực hiện ký số; ghi tên; ngày, giờ.

Không ghi vào
khu vực này

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Mẫu số : C1-02/NS

(Theo Thông tư số 184/2015/TT-BTC
ngày 17/11/2015 của Bộ Tài chính)

Mã hiệu:

Số:

Tiền mặt ☐ Chuyển khoản ☐

Loại tiền: VNĐ ☐ USD ☐ khác:

Người nộp thuế: Mã số thuế:

Địa chỉ:

Quận/Huyện: Tỉnh, TP:

Người nộp thay:

Địa chỉ:

Quận/Huyện: Tỉnh, TP:

Đề nghị NH (KBNN): trích TK số: hoặc thu tiền mặt để

nộp NSNN theo: TK thu NSNN ☐ TK tạm thu ☐ TK thu hồi quỹ hoàn thuế GTGT ☐

vào tài khoản của KBNN: Tỉnh, :

Mở tại NH ủy nhiệm thu :

Nộp theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền: Kiểm toán nhà nước ☐ Thanh tra tài chính ☐

Thanh tra Chính Phủ ☐ Cơ quan có thẩm quyền khác ☐

Tên cơ quan quản lý thu:

STT	Phần dành cho người nộp thuế ghi				Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/ NH phối hợp thu/ KBNN ghi	
	Số tờ khai / Số quyết định / Số thông báo	Kỳ thuế/Ngày tờ khai	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số tiền	Mã tiểu mục	Mã chương
			Tổng cộng			

Tổng số tiền ghi bằng chữ:

PHẦN DÀNH CHO KBNN GHI KHI HẠCH TOÁN:

Mã CQ thu: Nợ TK:

Mã ĐBHC: Có TK:

Mã nguồn NSNN:

NGƯỜI NỘP TIỀN

Ngày... tháng... năm...

Người nộp tiền Kế toán trưởng Thủ trưởng đơn vị Thủ quỹ Kế toán Kế toán trưởng/Trưởng phòng kế toán

KBNN (NGÂN HÀNG)

Ngày... tháng... năm...

Ngày... tháng... năm...
CƠ QUAN CẤP CHỨNG TỪ PHỤC HỒI
Chức danh
(ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Không ghi vào
khu vực này

GIẤY NỘP TIỀN VÀO TÀI KHOẢN THU PHÍ

Mẫu số: C1-11/PHI

(Theo Thông tư số 184/2015/TT-BTC
ngày 17/11/2015 của Bộ Tài chính)

Tiền mặt ☐ chuyển khoản ☐
Loại tiền: VNĐ ☐ USD ☐ khác⁽³⁾:
(Đánh dấu X vào ô tương ứng)

Mã hiệu:
Số:
Số tham chiếu⁽⁴⁾:

Người nộp thuế: Mã số thuế:

Địa chỉ:

Huyện: Tỉnh, TP:

Người nộp thay:

Địa chỉ:

Huyện: Tỉnh, TP:

Đề nghị KBNN /NH trích TK số hoặc thu ngoại tệ tiền mặt để:

Nộp vào TK số của

Tại NH:

Hoặc tại KBNN Tỉnh, TP: Mở tại NH ủy nhiệm thu:

STT	Số hồ sơ	Ngày hồ sơ	Tên phí, lệ phí ⁽¹⁾	Loại nguyên tệ	Số tiền
				Tổng cộng	

Tổng số tiền ghi bằng chữ:

PHẦN DÀNH CHO KBNN/NGÂN HÀNG GHI KHI HẠCH TOÁN:

Mã CQ thu: Nợ TK:
Mã ĐBHC: Có TK:
Mã nguồn: Tỷ giá hạch toán:

NGƯỜI NỘP TIỀN

Ngày... tháng... năm...

Người nộp tiền Kế toán trưởng⁽²⁾ Thủ trưởng⁽²⁾

KBNN (NGÂN HÀNG)

Ngày... tháng... năm...

Thủ quỹ Kế toán Kế toán trưởng/Trưởng phòng kế toán

Lưu ý:

Dùng trong trường hợp nộp các khoản thu phí, lệ phí của các cơ quan quản lý giữ tài khoản tại ngân hàng hoặc nộp tiền tại KBNN

* Chỉ tiêu (1): Nội dung nộp các khoản nộp phí, lệ phí của các Bộ, ngành;

* Chỉ tiêu (2): Dùng trong trường hợp các tổ chức nộp tiền bằng chuyển khoản.

* Chỉ tiêu (3): NNT tự điền tên loại tiền ngoại tệ đối với trường hợp không phải là USD.

* Chỉ tiêu (4): Trường hợp NNT in GNT từ Cổng thông tin điện tử Hải quan (sử dụng để nộp tiền tại ngân hàng chưa phối hợp thu), hệ thống tự động điền số tham chiếu để phục vụ công tác quản lý.

* NHTM, KBNN in Giấy nộp tiền từ hệ thống, ký tên, đóng dấu để cấp cho NNT khi đã hoàn thành việc thu tiền thuế.

Lưu ý: NH phối hợp thu, KBNN căn cứ thông tin trên Bảng kê nộp phí do NNT lập để truy vấn các thông tin lên quan đến giấy nộp tiền trên Cổng thanh toán điện tử Hải quan.

KHO BẠC NHÀ NƯỚC ...
KHO BẠC NHÀ NƯỚC ...

Mẫu số: 04/BK-CTNNS
(Theo Thông tư số 184/2015/TT-BTC
ngày 17/11/2015 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ NỘP NGÂN SÁCH

Liên số: Lưu tại

Từ ngày đến ngày

STT	Chứng từ				Tờ khai hải quan ⁽¹⁾			Mã số thuế	Tên người nộp	Ký thuế ^(a)	Số Quyết định /thông báo	Ngày Quyết định /thông báo	Mã thửa đất ⁽²⁾	Mã địa bàn	Tài khoản Nợ	TM	Loại ngoại tệ	Số tiền nguyên tệ	Tỷ giá	Số tiền VNĐ
	Ký hiệu chứng từ	Số chứng từ	Ngày Hạch toán	Ngày nộp thuế	Số tờ khai/số hồ sơ	Ngày tờ khai/ngày hồ sơ	Loại phí, lệ phí													
A	Tài khoản thu NSNN: ...																			
																			Cộng tiểu mục...	
																			Cộng TK	
B	Tài khoản tạm thu : ...																			
																			Cộng tiểu mục...	
																			Cộng TK	
C	Tài khoản tạm giữ:																			
																			Cộng tiểu mục:	
																			Cộng TK	

NGÂN HÀNG ...
NGÂN HÀNG ...

Mẫu số: 02/BKĐCNS-NH
(Theo Thông tư số 184/2015/TT-BTC
ngày 17/11/2015 của Bộ Tài chính).

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ NỢP NGÂN SÁCH

Liên số: Lưu tại
Từ ngày đến ngày

STT	Chứng từ				Tờ khai		Mã số thuế	Tên người nộp	Mã KBNN	Mã ngân hàng ủy nhiệm thu	CH-TM	Loại ngoại tệ	Số tiền nguyên tệ	Tỷ giá	Số tiền VNĐ
	Seri	Số chứng từ	Ngày Hạch toán	Ngày nộp thuế	Số tờ khai	Ngày tờ khai									
A	Tài khoản thu NSNN:														
	Cộng tiểu mục...														
	Cộng TK														
B	Tài khoản tạm thu : ...														
	Cộng tiểu mục...														
	Cộng TK														
C	Tài khoản tạm giữ:														
	Cộng tiểu mục...														
	Cộng TK														
Tổng cộng															

Tổng số tiền bằng chữ:
.....

NGÂN HÀNG.....
KẾ TOÁN KẾ TOÁN TRƯỞNG/TRƯỞNG PHÒNG KẾ TOÁN
(Ký tên, đóng dấu)

NGÂN HÀNG.....
NGÂN HÀNG.....

Mẫu số: 03/BKĐCPhi
(Theo Thông tư số 184/2015/TT-BTC
ngày 17/11/2015 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ NỘP PHÍ, LỆ PHÍ

Liên số: Lưu tại
Từ ngày đến ngày

STT	Chứng từ				Họ sơ phí, lệ phí		Mã số thuế	Tên người nộp thuế	Mã KBNN	Mã ngân hàng phối hợp thu	Loại phí, lệ phí	Loại ngoại tệ	Số tiền nguyên tệ	Tỷ giá	Số tiền VND
	Ký hiệu chứng từ	Số chứng từ	Ngày Hạch toán	Ngày nộp phí	Số hồ sơ	Ngày hồ sơ									
A	Cơ quan quản lý tiền phí, lệ phí: ...														
													Cộng loại phí, lệ phí...		
													Cộng TK		
B	Cơ quan quản lý tiền phí, lệ phí: ...														
													Cộng loại phí, lệ phí....		
													Cộng TK		
C	Cơ quan quản lý tiền phí, lệ phí: ...														
													Cộng loại phí, lệ phí....		
													Cộng TK		
Tổng cộng															

Tổng số tiền bằng chữ:
.....

NGÂN HÀNG.....
KẾ TOÁN KẾ TOÁN TRƯỞNG/TRƯỞNG PHÒNG KẾ TOÁN
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Thông tin chi tiết theo thông điệp chuyển tiền sang cổng thanh toán điện tử hải quan

NGÂN HÀNG

.....

Số:/....

V/v đề nghị tham gia phối hợp
thu NSNN, bảo lãnh thuế
bằng phương thức điện tử

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

Kính gửi: Tổng cục Hải quan.

- (Nêu nhu cầu và sự cần thiết tham gia phối hợp thu)
- Trình bày các nội dung liên quan đến khoản 4 Điều 6 Thông tư số 184/2015/TT-BTC.
- Cam kết các nội dung đã trình bày là đúng.
- Đính kèm các giấy tờ pháp lý nêu tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 184/2015/TT-BTC.

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lưu: VT,

LÃNH ĐẠO NGÂN HÀNG....

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THƯ TRA SOÁT

Kính gửi:.....

Tên cá nhân/ đơn vị:.....Mã số thuế:.....

Địa chỉ:.....Quận/Huyện:.....Tỉnh, TP:.....

Thực hiện nộp tiền vào NSNN bằng hình thức: Tiền mặt ☐ Chuyển khoản ☐ Nộp
thuế điện tử ☐

Đã được NH(KBNN):.....trích TK số (nếu có):.....

để nộp vào NSNN theo : TK thu NSNN ☐ TK tạm thu ☐ TK thu
hồi quỹ hoàn thuế GTGT ☐

Số tiền :.....(Bằng chữ :.....

vào tài khoản của KBNN :..... Tỉnh, TP :.....

mở tại ngân hàng ủy nhiệm thu :.....

Ngày phát sinh giao dịch cần điều chỉnh:/...../.....

Nội dung sai sót (Tên người nộp thuế, mã số thuế, tài khoản, số tiền, cơ quan quản lý thu, nội
dung các khoản nộp NSNN,...):.....

Nội dung đề nghị tra soát (Tên người nộp thuế, mã số thuế, tài khoản, số tiền, cơ quan quản lý
thu, nội dung các khoản nộp NSNN,...):.....

Kính đề nghị:..... xem xét, giải quyết./.

....., ngày ... tháng ... năm.....

CÁ NHÂN/ ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu (nếu có)
hoặc (ký số, ghi họ tên)